

TÓM TẮT Báo cáo Phát triển Con người 2005

**Giao điểm Hợp tác quốc tế
vào thời điểm quyết định:**

Viện trợ, thương mại và an ninh
trong một thế giới bất bình đẳng



Xuất bản theo
yêu cầu của
Chương trình Phát triển
Liên Hợp Quốc
(UNDP)

Bản quyền © 2005
của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
1 UN Plaza, New York, 10017, Hoa Kỳ

Ấn phẩm này được bảo hộ toàn phần. Nghiêm cấm việc sao chép, lưu giữ hay truyền bá bất cứ phần nào của ấn phẩm dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào dù là bằng điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm, v.v... mà không được phép.

9 8 7 6 5 4 3 2 1

Ấn phẩm này được Công ty Hoechstetter in trên giấy không có chất clo bằng mực in thực vật và với công nghệ thân thiện với môi trường.

Thiết kế bìa và trình bày: Công ty thiết kế Grundy & Northedge, London

Thiết kế nội dung: Công ty thiết kế thông tin Gerald Quinn, Cabin John, Maryland

Hiệu đính kỹ thuật: Công ty phát triển truyền thông, Washington, D.C.

Biên tập: Charlotte Denny, Wellington, New Zealand

Nếu có bất kỳ thiếu sót hoặc lỗi nào trong Báo cáo Phát triển Con người 2005 do in ấn, xin hãy xem bản gốc tại địa chỉ website: <http://hdr.undp.org>

Giới thiệu nhóm chuyên gia soạn thảo Báo cáo Phát triển Con người 2005

Giám đốc và tác giả chính

Kevin Watkins

Nghiên cứu, viết báo cáo và lập số liệu thống kê:

Haishan Fu (Ph trách về thống kê), Ricardo Fuentes, Arunabha Ghosh, Chiara Giamberar-dini, Claes Johansson, Christopher Kuonqui, Andrés Montes, David Stewart, Cecilia Ugaz (Cố vấn cao cấp về chính sách) và Shahin Yaqub.

Cố vấn về thống kê: Tom Griffin

Biên tập: Charlotte Denny

Giám đốc sản xuất: Marta Jaksona

Hiệu đính và kỹ thuật sản xuất: Công ty Phát triển truyền thông

Thiết kế bìa và trình bày sách: Công ty thiết kế sách Grundy & Northedge

Thiết kế nội dung: Công ty G. Quinn

Văn phòng về Báo cáo Phát triển Con người (HDRO)

Báo cáo Phát triển Con người là sản phẩm chung của một tập thể. Các thành viên của Đơn vị Xây dựng Báo cáo Phát triển Con người tại từng Quốc gia (NHDRU) đã đóng góp các ý kiến chi tiết vào nội dung của các bản dự thảo. Họ cũng đã hợp tác với mạng lưới nghiên cứu toàn cầu tại các nước đang phát triển để xây dựng Báo cáo này. Nhóm NHDRU do ông Sarah Burd-Sharps (Phó Giám đốc) lãnh đạo và bao gồm các thành viên là Sharmila Kurukulasuriya, Juan Pablo Mejia, Mary Ann Mwangi và Timothy Scott. Nhóm ph trách hành chính của Văn phòng HDRO bao gồm các thành viên là Oscar Bernal, Mamaye Gebretsadik và Melissa Hernandez đã giúp vận hành các công việc của Văn phòng. Các hoạt động của Văn phòng Báo cáo Phát triển Con người do bà Yves Sassenrath phụ trách với sự trợ giúp của bà Ana Maria Carvajal. Chương trình thông tin với bên ngoài Văn phòng do các bà Marisol Sanjines và Nena Terrell quản lý.

LỜI TỰA

Thật đáng tiếc đây là bản *Báo cáo Phát triển Con người* cuối cùng mà tôi viết lời tựa vì tôi sẽ thôi không đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) vào tháng 8 này. Khi tôi bắt đầu làm việc cho UNDP vào năm 1999, tôi nói rằng Báo cáo Phát triển Con người là viên ngọc quý trên vương miện của các nỗ lực thuyết phục và kho tri thức toàn cầu của UNDP. Sau sáu năm với sáu Báo cáo liên tiếp, tôi có thể tự hào nói rằng giá trị của các Báo cáo chỉ ngày càng tăng lên mà thôi.

Các Báo cáo về Phát triển Con người cho đến nay ngày càng được củng cố và hoàn thiện dựa trên nền tảng vững chắc được hình thành trong thập niên đầu tiên khi bắt đầu soạn thảo Báo cáo, tại thời điểm đó khái niệm về Phát triển Con người đã được giới thiệu và làm rõ trong một loạt các Báo cáo xuất bản liên tiếp. Từ việc xem xét làm thế nào để sử dụng tốt nhất công nghệ phục vụ người giàu và người nghèo, qua đó chỉ ra tầm quan trọng đặc biệt của việc tăng cường các quyền con người và sự dân chủ nhằm bảo vệ và nâng cao năng lực của những người dễ bị tổn thương nhất, bản Báo cáo về Phát triển con người đã mở rộng ranh giới tri thức về phát triển con người trong Thiên niên kỷ mới. Sự thay đổi đó đang ngày càng được phản ánh trong thực tiễn phát triển thông qua các công việc của UNDP và rất nhiều đối tác của tổ chức này tại hiện trường trên tất cả các lĩnh vực quan trọng nói trên.

Một cách ngắn gọn, mặc dù được sự hỗ trợ của UNDP, nhưng với tiếng nói mạnh mẽ, độc lập, Báo cáo Phát triển Con người không nhất thiết phản ánh chính sách của Liên hợp quốc hay của UNDP và trong những năm qua Báo cáo đã được nổi tiếng trên thế giới vì sự xuất sắc của nó. Các báo cáo đã đóng một vai trò xúc tác quan trọng trong việc tạo khung và đưa ra các câu trả lời cụ thể cho các cuộc thảo luận chính về chính sách phát triển của thời đại chúng ta. Như Báo cáo đã nêu rõ, ngày nay một thách thức lớn nhất đối với cộng đồng phát triển-và cho cả thế giới-đó là sự thực hiện thành công các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ vào thời hạn là năm 2015.

Báo cáo Phát triển Con người năm 2003, chủ yếu dựa trên các công việc trước đây của UNDP và do dự án Thiên niên kỷ Liên Hợp quốc tài trợ, đã vạch ra một kế hoạch chi tiết để làm thế nào đạt được từng Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Tuy nhiên, mặc dù có tiến bộ đáng kể tại nhiều quốc gia xuyên suốt qua nhiều mục tiêu, nhưng nói chung sự tiến bộ vẫn còn rất xa so với mong muốn. Vào đầu năm nay, bản đánh giá kiểm điểm tình hình thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ sau 5 năm hoạt động của Tổng Thư ký LHQ, chủ yếu dựa vào báo cáo kết thúc của dự án Thiên niên kỷ Liên Hợp quốc, đã đề ra một chương trình nghị sự lớn nhằm làm thế nào để đạt được tiến bộ này trên cơ sở các điểm nhất trí tại Hội nghị Monterrey năm 2001. Nét nổi bật tại Hội nghị lịch sử này là sự cam kết của các nước đang phát triển sẽ chịu trách nhiệm chính đối với sự phát triển của nước mình với sự đảm bảo của các nước phát triển rằng các chiến lược phát triển phải minh bạch, có độ tin cậy và có chi phí hợp lý của các quốc gia sẽ nhận được sự ủng hộ hoàn toàn đối với những điều các quốc gia đó cần để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Tuy nhiên, Báo cáo cũng nêu ý kiến là nếu chỉ đơn giản có chương trình nghị sự thì sẽ không thể thành công trừ phi chúng ta quyết tâm giải quyết các trở ngại đang làm chậm bước tiến với một qui mô và nhịp độ cần thiết trong vòng 10 năm tới tập trung vào ba lĩnh

vực lớn là: viện trợ, thương mại và xung đột. Bản báo cáo đã xuyên suốt qua ba lĩnh vực nói trên với việc điếm qua các dữ kiện và cho ta một phân tích tổng hợp về cách thức soạn thảo báo cáo và đến nay báo cáo đã xong. Năm 2005 là một năm của sự lựa chọn khi mà các Lãnh đạo các Chính phủ có cơ hội gặp nhau tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp quốc để biến các cam kết và lời hứa thành các hành động cụ thể nhằm giúp xoá bỏ hoàn toàn sự đói nghèo cùng cực trên thế giới của chúng ta. Đó là một cơ hội mà chúng ta không thể bỏ lỡ nếu chúng ta muốn để lại cho con em của chúng ta và các thế hệ mai sau một thế giới an toàn hơn, an ninh tốt hơn và công bằng hơn.

Cuối cùng, mặc dù đây có thể là báo cáo cuối cùng đứng tên tôi với tư cách là Tổng giám đốc UNDP, báo cáo sẽ ghi nhận công lao lãnh đạo trước tiên của ông Kevin Watkins – Giám đốc Văn Phòng Báo cáo Phát triển Con người. Điềm mạnh và tính sâu sắc của các phân tích cho ta thấy *Báo cáo Phát triển Con người* và vấn đề phát triển con người mà Báo cáo trình bày có thể không nằm ở trong một môi trường an toàn. Tôi chúc ông Kevin Watkins, nhóm chuyên gia của ông và ông Kanal Dervis - người kế vị tôi lời chúc mừng tốt đẹp nhất cho tương lai.

Mark Malloch Brown
Tổng giám đốc UNDP

Các phân tích và khuyến nghị có tính chính sách của Báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của UNDP, Ban Lãnh đạo UNDP và các nước thành viên của tổ chức này. Báo cáo là một ấn phẩm độc lập đã được UNDP phê duyệt. Đây là thành quả của một nỗ lực tập thể của một nhóm các chuyên gia và cố vấn xuất sắc và nhóm làm Báo cáo đã làm việc dưới sự chỉ đạo của ông Kevin Watkins, Giám đốc Văn phòng về Báo cáo Phát triển Con người.

Mục lục của Báo cáo Phát triển Con người 2005

Tổng quan: Hợp tác quốc tế đang ở ngã ba đường: viện trợ, thương mại và an ninh trong một thế giới bất bình đẳng

Chương 1 Hiện trạng của Phát triển Con người

Các tiến bộ và sự thụt lùi trong phát triển con người

Các bước tiến trong phát triển con người - một bức tranh toàn cầu

Các tiến bộ thể hiện qua các chỉ số phát triển con người

Các hạn chế đối với phát triển con người

Điểm kết thúc của sự hội tụ?

Bất bình đẳng và phân phân chia của các nước nghèo trong kho tài sản ngày càng nhiều của quốc tế

Kịch bản 2015 - Viễn cảnh của các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Kịch bản 2015 – xuất phát từ hiện thực chứ không phải là các phán đoán

Thay đổi cách làm và hãy đi đúng đường

Chương 2 Bất bình đẳng và Phát triển con người

Tại sao vấn đề bất bình đẳng cần được quan tâm:

Công bằng và đạo đức xã hội

Ưu tiên người nghèo

Tăng trưởng và Hiệu quả

Tính hợp pháp về chính trị

Các mục tiêu của chính sách công

Các tranh cãi đối lập phải được giải quyết

Chuỗi những bất lợi – bất bình đẳng giữa các quốc gia

Các mức bất bình đẳng làm hạn chế sự lựa chọn trong cuộc sống

Các cơ hội bất bình đẳng – bất bình đẳng về sức khỏe và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Tiềm năng phát triển con người của sự tăng trưởng vì người nghèo

Cải thiện sự phân bố tăng trưởng

Đạt các mục tiêu tăng trưởng vì người nghèo

Chương 3 Viện trợ cho Thế kỷ 21

Thay đổi cách suy nghĩ về viện trợ

Viện trợ là mệnh lệnh của lương tâm và không được coi là vì lợi ích riêng

Viện trợ và Phát triển Con người

Viện trợ tài chính – các con số thống kê, khó khăn và thách thức

Khối lượng viện trợ

Viện trợ và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ: liệu các nước giàu có thể gánh nổi không?

Liệu có thể hấp thụ được nhiều viện trợ hơn không?

Điểm yếu trong chất lượng và hiệu quả của viện trợ

Sự thất thoát và không dự tính được khả năng của viện trợ

Các điều kiện và tính làm chủ của quốc gia

Quá nhiều các nhà tài trợ trong khi có quá ít sự điều phối
Chuyển giao nguồn lực kém hiệu quả: viện trợ có điều kiện
Chỉ dựa vào kinh phí của dự án mà ít có sự hỗ trợ của ngân sách quốc gia
Thay đổi cách quản lý viện trợ của nhà nước
Viện trợ song phương—một số bài học của Châu Phi
Các sáng kiến đa phương
Thay đổi cách viện trợ

Chương 4 Thương mại quốc tế—mở cửa tiềm năng cho phát triển con người

Một thế giới độc lập

Thương mại và Mức sống toàn cầu

Các hạn chế của sự hội tụ

Thương mại và Phát triển con người

Các qui định bất công: hệ thống thương mại làm lợi cho các nước phát triển như thế nào

Tiếp cận thị trường

Thương mại nông nghiệp

Rút ngắn khoảng cách đối với các chính sách phát triển

Vượt qua các quy định bằng thành lập các cơ quan kiểm soát hàng hoá mới và xây dựng năng lực

Khủng hoảng hàng hoá

Vai trò của các cơ quan kiểm soát thị trường

Thiếu năng lực

Biến Hội nghị Doha thành vòng đàm phán phát triển

Thay đổi suy nghĩ về quản lý WTO

Làm thế nào để thương mại có thể hoạt động vì các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Chương 5 Các xung đột nghiêm trọng — hãy tập trung vào mối đe dọa thực tế

Xung đột nghiêm trọng vào đầu thế kỷ 21

Các rủi ro về an ninh đã chuyển hướng tới các nước nghèo

Chi phí cho xung đột của Phát triển Con người

Thách thức của các quốc gia để xảy ra xung đột

Bất bình đẳng theo chiều ngang

Quản lý tài nguyên thiên nhiên

Các vấn đề vượt ra ngoài biên giới

Câu trả lời của quốc tế

Cải thiện viện trợ

Quản lý tài nguyên thiên nhiên và giải quyết các xung đột vũ trang nhỏ

Xây dựng năng lực cho Khu vực

Các thách thức cho việc tái thiết sau xung đột

Thời kỳ quá độ từ chiến tranh sang hoà bình và từ hoà bình sang an ninh

Xác định lại nền an ninh và xây dựng nền an ninh tập thể

Chú thích

Các trích dẫn

Các tài liệu tham khảo

Các khung ví dụ

- 1.1 HIV/AIDS gây ra sự đảo lộn nhiều mặt trong phát triển con người
 - 1.2 Khủng hoảng tử vong ở Liên bang Nga: 7 triệu người thiệt mạng
 - 1.3 Ấn Độ — một ví dụ thành công về toàn cầu hoá với các thống kê về phát triển con người đa dạng
 - 1.4 Cứu sống 6 triệu người — một việc có thể làm được
 - 1.5 Tác dụng của cốc rượu sâm banh — Sự phân bố thu nhập toàn cầu
 - 1.6 Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
 - 1.7 Bangladesh—tăng trưởng vừa phải nhưng tốc độ phát triển con người nhanh
 - 1.8 Uganda—tiến bộ có ấn tượng nhưng không đều
-
- 2.1 Bất bình đẳng và vấn đề sức khỏe ở Hoa Kỳ
 - 2.2 Trung Quốc — Bất bình đẳng tăng cao trong lĩnh vực Y tế
 - 2.3 Tăng trưởng vì người nghèo và tăng trưởng lũy tiến
 - 2.4 Tập trung vào giảm nghèo ở trẻ em tại Vương quốc Anh
 - 2.5 Đầu tư nhà nước trong đổi mới xã hội
-
- 3.1 Xã hội Vĩ đại
 - 3.2 Giảm thiểu các rào cản về chi phí
 - 3.3 Viện trợ cho bảo hiểm xã hội ở Zambia
 - 3.4 Từ hội nghị thượng đỉnh G-8 tới Đại hội đồng LHQ – chuyển từ lời nói sang hành động
 - 3.5 Giảm nợ — một bước tiến nữa
 - 3.6 Tương lai của Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA)
 - 3.7 Quỹ tài chính quốc tế (IFF)
 - 3.8 Khai thác không hết năng lực qua viện trợ dự án—trường hợp của Afghanistan
-
- 4.1 Tính công khai cần thiết như thế nào cho tăng trưởng?
 - 4.2 Việt Nam và Mexico — một câu chuyện của hai quốc gia về hội nhập toàn cầu
 - 4.3 Guatemala — các hạn chế đối với thành công theo định hướng xuất khẩu
 - 4.4 Giảm dần các thủ tục đa cấp
 - 4.5 Tiền trợ cấp chạy đi đâu?
 - 4.6 Khi trợ cấp không dùng để trợ cấp?
 - 4.7 Ngành phụ tùng ô tô của Ấn Độ
 - 4.8 Vượt ra ngoài Tổ chức Thương mại Thế giới
 - 4.9 Cuộc khủng hoảng về cà phê
 - 4.10 Các hạn chế đối với trợ giúp kỹ thuật để xây dựng năng lực về thương mại
 - 4.11 Tìm kiếm sự gắn kết
-
- 5.1 Nước Cộng hoà Dân chủ Congo — xung đột nghiêm trọng làm cho quốc gia dễ đổ vỡ hơn
 - 5.2 Tác động của sự mất an ninh đối với môi trường sống — trường hợp của Karamoja, Uganda
 - 5.3 Các lãnh thổ Palestin bị chiếm đóng tác động xấu như thế nào đối với phát triển con người
 - 5.4 Bờ biển Nga — sự bất bình đẳng theo chiều ngang làm sang tỏ “sự Kỳ diệu của Châu Phi”
 - 5.5 Các lợi ích và hạn chế của đối thoại dân chủ nhằm ngăn chặn xung đột

Các bảng

- 1.1 Các nước đang đi ngược lại Chỉ số Phát triển Con người (HDI)
- 1.2 Sự suy giảm trong đói nghèo về thu nhập, giai đoạn 1981–2001
- 1.3 Các dải tăng trưởng thu nhập

- 3.1 Chi phí cho quân sự làm giảm nguồn ODA tại các nước giàu

- 4.1 Những thay đổi về phúc lợi ở Nicaragua — sự thiệt hại do giá cà phê giảm trong giai đoạn 1998–2001

- 5.1 Các xung đột vẫn thường xuyên làm tổn thất sinh mạng con người
- 5.2 Tài nguyên thiên nhiên đã gây ra xung đột về nhiên liệu ở nhiều nước
- 5.3 Các hoạt động gìn giữ hoà bình sau khủng hoảng đang nắm giữ quyền lực của Chính phủ

Các hình

- 1.1 Tuổi thọ được cải thiện ở hầu hết các khu vực
- 1.2 Tỷ lệ tử vong ở trẻ em và các xu hướng cải thiện
- 1.3 Nền dân chủ đã có đất phát triển
- 1.4 Phát triển con người được cải thiện ở hầu hết các khu vực
- 1.5 Thu nhập khác nhau nhưng Chỉ số Phát triển Con người vẫn tương tự
- 1.6 Trẻ em không được đến trường — hầu hết là ở Châu Phi và Nam Á
- 1.7 Tuổi đi học — vẫn còn các bất cập
- 1.8 Các cơ hội sinh tồn ở vùng Tiểu sa mạc Sahara ở Châu Phi vẫn chưa được cải thiện so với ở nước Anh vào những năm 1840
- 1.9 Cú sốc về dân số nhiễm AIDS vượt qua con số của Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất
- 1.10 Trẻ em tử vong ngày càng ít đi nhưng tiến bộ còn rất chậm
- 1.11 Tử vong ở trẻ em — khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng lớn
- 1.12 Thu nhập không quyết định vấn đề tử vong của trẻ sơ sinh
- 1.13 Tăng trưởng thu nhập và giảm tử vong ở trẻ em rất khác nhau giữa Trung Quốc và Ấn độ
- 1.14 Tụt hậu về tử vong trẻ em ở Trung Quốc và Ấn độ
- 1.15 Hội tụ tăng trưởng và Hội tụ thu nhập tuyệt đối
- 1.16 Tiền đang nằm ở đâu
- 1.17 Các mục tiêu cho trẻ em đang còn thiếu
- 1.18 Tử vong trẻ em — tổn thất về người
- 1.19 Tử vong trẻ em — chi phí tích lũy cho các mục tiêu còn thiếu
- 1.20 Không tiếp cận được với nước sạch — tổn hại cho con người
- 1.21 Đói nghèo về thu nhập — tổn thất đối với con người
- 1.22 Trẻ em không đến trường — tổn thất về mặt con người
- 1.23 Trẻ em gái không đến trường — tổn thất về mặt con người
- 1.24 Thu nhập không cho thấy sự tăng cường về giới

- 2.1 Bất bình đẳng trong thu nhập — các quốc gia và khu vực điển hình
- 2.2 Phân bố thu nhập

- 2.3 Người nghèo làm ăn, sinh sống như thế nào — thu nhập bình quân cũng là quan trọng nhưng cũng phải kể đến sự bất bình đẳng
- 2.4 Trẻ em của người nghèo nhất có nguy cơ tử vong cao
- 2.5 Chu kỳ của sự bất bình đẳng — từ khi sinh cho đến tuổi trưởng thành, người nghèo làm ăn sinh sống ngày càng tồi tệ hơn
- 2.6 Sự khác biệt về phát triển con người ở các tỉnh của Trung Quốc
- 2.7 Thế giới hai mặt của nền giáo dục Mexico
- 2.8 Trẻ em nông thôn đối mặt với nguy cơ tử vong cao hơn
- 2.9 Phổ cập giáo dục ở Pakistan
- 2.10 Nghèo đói ở Guatemala — sắc tộc và vị trí tồn tại
- 2.11 Tử vong ở trẻ em — khoảng cách ngày càng tăng giữa người giàu và người nghèo
- 2.12 Tanzania — giảm nghèo chỉ ở thủ đô
- 2.13 Nghèo đói cùng cực: hai kịch bản cho năm 2015

- 3.1 Quan điểm dài hạn — các xu hướng viện trợ từ 1960
- 3.2 Liên minh tài trợ
- 3.3 Giàu hơn nhưng kém rộng lượng — của cải tăng nhanh so với viện trợ...
- 3.4 ...nhưng sự thực hiện thì rất khác nhau
- 3.5 Tiến bộ sau hội nghị Monterrey về các mục tiêu của ODA
- 3.6 Các bất cập trong tài trợ cho các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
- 3.7 Thành phần của tăng viện trợ
- 3.8 Sự khác nhau trong việc trợ giúp các nước nghèo nhất của các nhà tài trợ
- 3.9 Tình hình tài chính eo hẹp của các nước G-7
- 3.10 Chi phí cho quân sự so với viện trợ phát triển
- 3.11 Viện trợ ứng trước thông qua Quỹ tài chính quốc tế
- 3.12 Sự thất thoát tài trợ đang diễn ra
- 3.13 Liên minh tài trợ có điều kiện
- 3.14 Thuế đánh vào tài trợ — các chi phí của viện trợ có điều kiện

- 4.1 Xuất khẩu đang tăng là một phần của thu nhập
- 4.2 Sự tăng trưởng hàng hoá xuất khẩu của thế giới
- 4.3 Biểu thuế quan đang giảm dần
- 4.4 Quá tập trung vào thành công của xuất khẩu
- 4.5 Thị phần của Tiểu sa mạc Sahara ở Châu Phi đang giảm trong thương mại quốc tế
- 4.6 Xuất khẩu của thế giới: các nước giàu vẫn thống trị
- 4.7 Sản xuất giá trị gia tăng: thị phần ở các nước đang phát triển đang thay đổi
- 4.8 Giảm bớt biểu thuế suất không còn là mục tiêu kỳ diệu cho tăng trưởng
- 4.9 Giảm bất công trong thuế thương mại
- 4.10 Đánh thuế bất hợp lý đang diễn ra
- 4.11 Trợ cấp của nước giàu cho nông nghiệp lớn và ngày càng lớn hơn
- 4.12 Đường của khối EU làm thế nào để tăng sản lượng và thâm nhập thị trường thế giới
- 4.13 Sản xuất bông ở Hoa kỳ không bị ảnh hưởng khi giá cả thế giới thay đổi
- 4.14 Giá cả và sản xuất cà phê ở Ethiopia

- 5.1 Từ 1991 có ít các xung đột xảy ra
- 5.2 Các nguy cơ về an ninh chuyển dần sang Châu Phi
- 5.3 Các ưu tiên về chi tiêu của các nước có mức độ phát triển con người thấp do gần đây đã trải qua nhiều xung đột
- 5.4 Viện trợ cho công cuộc tái thiết sau xung đột — cần nhiều các chính sách

Đóng góp đặc biệt

Các thách thức cho công cuộc tái thiết sau xung đột: - bài học rút ra từ Afghanistan, bài viết của *Ashraf Ghani*

Bản đồ

- 1.1 Phân bố địa lý về tử vong ở trẻ em — tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đến năm 2015

Các Chỉ số Phát triển Con người

Hướng dẫn độc giả

Chú thích cho bảng 1 trình bày về Chỉ số Phát triển Con người của năm nay

Theo dõi phát triển con người: mở rộng sự lựa chọn cho mọi người. . .

1. Chỉ số Phát triển Con người
2. Các xu hướng của Chỉ số Phát triển Con người
3. Sự đói nghèo về con người và thu nhập ở các nước đang phát triển
4. Sự đói nghèo về con người và thu nhập ở các nước khối OECD, Đông Âu và các nước SNG

. . . để tiến đến một cuộc sống lành mạnh và dài lâu. . .

5. Các xu hướng về dân số
6. Cam kết cho vấn đề sức khỏe: các nguồn lực, cách tiếp cận và dịch vụ
7. Nước, vệ sinh và tình trạng dinh dưỡng
8. Bất bình đẳng trong sức khỏe bà mẹ và trẻ em
9. Các khủng hoảng và nguy cơ của Y tế toàn cầu
10. Các tiến bộ và thụt lùi của sự sinh tồn

. . . để nắm bắt được tri thức . . .

11. Cam kết đối với giáo dục: vấn đề chi tiêu công
12. Xoá mù chữ và tham gia học tập
13. Phổ biến và tạo ra công nghệ

. . . để tiếp cận được các nguồn lực cần thiết cho một mức sống tương tất . . .

14. Hoạt động kinh tế
15. Bất bình đẳng trong thu nhập và tiêu dùng
16. Cấu trúc của thương mại
17. Viện trợ: Trách nhiệm của các nước giàu
18. Giảm nợ và thương mại: Trách nhiệm của các nước giàu
19. Các dòng viện trợ, vốn tư nhân và vay nợ
20. Các ưu tiên trong chi tiêu công
21. Thất nghiệp ở các nước khối OECD

... trong khi vẫn giữ gìn cho các thế hệ tương lai ...

22. Năng lượng và môi trường

... bảo đảm an ninh cho cá nhân ...

23. Người tỵ nạn và vấn đề vũ khí

24. Nạn nhân của tội ác

... và đạt được sự bình đẳng cho tất cả phụ nữ và đàn ông ...

25. Chỉ số phát triển liên quan đến giới

26. Biện pháp tăng cường giới

27. Bất bình đẳng giới trong giáo dục

28. Bất bình đẳng giới trong hoạt động kinh tế

29. Giới, việc làm và phân bổ thời gian

30. Sự tham gia vào hoạt động chính trị của phụ nữ

Các công cụ pháp lý về quyền lao động và quyền con người

31. Tình hình các công cụ pháp lý quốc tế chính về nhân quyền

32. Tình hình các công ước cơ bản về quyền lao động

33. Các chỉ số cơ bản cho các nước thành viên Liên hợp quốc khác

Các chú thích về số liệu thống kê trong Báo cáo Phát triển Con người

Các chú thích kỹ thuật

1. Cách tính các chỉ số phát triển con người

2. Tính hai mặt của vấn đề giảm nghèo — tại sao sự tăng trưởng và phân phối lại cần phải được quan tâm

3. Cách đánh giá tiến độ đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Các định nghĩa về thuật ngữ thống kê

Các số liệu thống kê tham khảo

Phân loại các quốc gia

Chỉ số cho các chỉ tiêu

Chỉ số cho các chỉ tiêu của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ trong các bảng chỉ tiêu

TỔNG QUAN

Giao điểm Hợp tác quốc tế vào thời điểm quyết định:

Viện trợ, thương mại và an ninh trong một thế giới bất bình đẳng

Cứ mỗi một giờ lại có hơn 1200 trẻ em tử vong mà không được các phương tiện thông tin đại chúng biết đến

Năm 2004 kết thúc với một sự kiện chứng minh sức mạnh phá hoại của thiên nhiên và sức mạnh hồi sinh của con người. Sóng thần đã quét qua Ấn Độ Dương làm khoảng 300.000 người thiệt mạng. Hàng triệu người mất nhà cửa. Trong những ngày xảy ra sóng thần, một trong những thảm họa thiên nhiên tồi tệ nhất trong lịch sử gần đây đã làm dấy lên một nỗ lực khắc phục quốc tế lớn nhất trên thế giới. Nó chứng tỏ sức mạnh của sự đoàn kết toàn cầu khi cộng đồng quốc tế có cam kết cùng nhau có nỗ lực lớn.

Sóng thần là một thảm họa có thể nhận thấy được, nhưng chưa thể dự đoán và ngăn cản được. Các thảm họa khác ít nhìn thấy hơn nhưng lại có thể dự đoán và ngăn chặn được. Cứ mỗi một giờ lại có hơn 1200 trẻ em tử vong mà không được các phương tiện thông tin đại chúng biết đến. Điều này cũng tương đương với ba đợt sóng thần trong một tháng và đang tác động đến những người dân dễ bị tổn thương nhất của thế giới, đó là trẻ em. Các nguyên nhân gây tử vong rất khác nhau nhưng tựu chung có thể là do một bệnh lý: đói nghèo. Khác với sóng thần, bệnh lý này có thể phòng ngừa được. Với công nghệ, nguồn lực tài chính và tri thức ngày nay, thế giới có khả năng để khắc phục sự mất mát cực đoan này. Chẳng nhẽ một cộng đồng quốc tế chúng ta lại cho phép đói nghèo cướp đi những sinh mạng với quy mô như tác động của sóng thần gây ra.

Cách đây 5 năm khi bắt đầu thiên niên kỷ mới, các Chính phủ trên toàn thế giới đã đoàn kết để đưa ra một lời hứa mạnh mẽ đối với các nạn nhân của đói nghèo toàn cầu. Họ đã gặp nhau tại trụ sở Liên hợp quốc và ký bản tuyên bố Thiên niên kỷ, một sự cam kết trang trọng "nhằm giải phóng cho đàn ông, phụ nữ và trẻ em của chúng ta thoát khỏi sự khốn khổ và các điều kiện mất tính người của sự đói nghèo cùng cực". Bản tuyên bố đã đề ra việc cùng chia sẻ cam kết đối với các quyền con người và sự công bằng xã hội với các mục tiêu có thời hạn cụ thể. Những mục tiêu này còn gọi là Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) bao gồm việc giảm đói nghèo, cùng cực, giảm tử vong trẻ em, giúp tất cả trẻ em trên thế giới được học hành, hạn chế các bệnh truyền nhiễm và thúc đẩy sự hợp tác quốc tế mới để đạt được kết quả (Khung số 1). Hạn đề ra để đạt các kết quả nói trên là năm 2015.

Vấn đề phát triển con người còn vượt xa hơn cả các mục tiêu MDG. Nhưng những mục tiêu này cho ta một khuôn khổ quan trọng để đo được sự tiến bộ trong việc tạo ra một trật tự thế giới mới, công bằng hơn, ít đói nghèo hơn và an ninh tốt hơn. Tháng 9 năm 2005 các Chính phủ sẽ lại gặp nhau tại trụ sở Liên hợp quốc để kiểm điểm việc thực hiện từ khi họ ký Tuyên bố thiên niên kỷ đồng thời vạch ra một lịch trình cho 10 năm từ nay tới 2015.

Đây là cơ hội để chứng minh rằng Tuyên bố thiên niên kỷ không chỉ là lời hứa trên giấy mà là một sự cam kết để thay đổi

Còn có ít lý do để chúc mừng. Một số tiến bộ quan trọng về phát triển con người đã được ghi nhận từ khi ký kết Tuyên bố thiên niên kỷ. Đói nghèo đã giảm và các chỉ số xã hội đã được cải thiện. Các mục tiêu MDG đã là một đầu mối cho sự quan tâm của quốc tế, đưa vấn đề phát triển và cuộc đấu tranh chống đói nghèo vào trong chương trình nghị sự quốc tế, một điều mà một thập niên trước đây còn là điều không tưởng. Năm 2005 đã đánh dấu một chiến dịch toàn cầu bất ngờ về quyết tâm gác bỏ đói nghèo cho quá khứ. Chiến dịch đó đã mang lại các tiến bộ về viện trợ và giảm nợ trong hội nghị thượng đỉnh của nhóm các nước công nghiệp lớn G8. Bài học ở đây là các tranh luận mạnh mẽ được hỗ trợ bởi sự huy động công chúng có thể làm thay đổi thế giới.

Các chính phủ hiện nay đang chuẩn bị cho cuộc họp thượng đỉnh của Liên hợp quốc, phiếu báo cáo toàn diện về tiến độ thực hiện cho thấy còn nhiều điều chưa đạt. Đa số các nước còn đứng ngoài hầu hết các mục tiêu MDG. Phát triển con người còn chưa đạt ở một số lĩnh vực chủ yếu và đã nới rộng thêm các bất cập của bất bình đẳng. Một số công thức có tính ngoại giao và thuật ngữ lịch sự có thể thấy trong báo cáo để mô tả sự khác nhau giữa tiến bộ về phát triển con người và các kỳ vọng nêu trong Tuyên bố thiên niên kỷ. Không có một báo cáo nào cho phép nêu lên một sự thật đơn giản là: Lời hứa với thế giới người nghèo đã bị tan vỡ.

Năm 2005 này đánh dấu một thời điểm quyết định. Chính phủ các nước đang đối mặt trước một lựa chọn. Một lựa chọn là phải nắm thời cơ và làm cho năm 2005 trở thành năm khởi đầu của “thập niên vì phát triển”. Nếu các khoản đầu tư và các chính sách cần để đạt được các mục tiêu MDG được đề ra ngày hôm nay thì vẫn còn thời gian để thực hiện được lời hứa của Tuyên bố Thiên niên kỷ. Nhưng thời gian thì đã hết. Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc sẽ là cơ hội cuối cùng để chấp nhận các kế hoạch hành động mạnh mẽ cần thiết không những chỉ để đi đúng hướng của các mục tiêu năm 2005, mà còn để khắc phục các bất bình đẳng sâu sắc hiện đang chia rẽ loài người và để xây dựng một mô hình toàn cầu hoá mới, công bằng hơn.

Một sự lựa chọn khác là tiếp tục các công việc như trước đây và làm cho năm 2005 với sự cam kết của Tuyên bố thiên niên kỷ bị đổ vỡ. Sự lựa chọn này sẽ mang lại hậu quả cho thể hệ hiện tại của các lãnh tụ chính trị đi lùi vào lịch sử như những vị lãnh đạo đã làm thất bại MDG trong sự giám sát của họ. Thay vì hành động, hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc có thể đưa ra một loạt các tuyên bố rất kêu khác trong đó các nước giàu thì nói nhiều hơn và chẳng có hành động nào. Với kết quả như vậy thì chắc chắn sẽ có các hệ quả cho người nghèo trên thế giới. Nhưng trong một thế giới ngày càng có nhiều mối đe dọa và cơ hội có liên quan với nhau, điều đó sẽ làm tổn hại đến an ninh, hoà bình và phồn vinh của thế giới.

Hội nghị thượng đỉnh 2005 của Liên hợp quốc sẽ là cơ hội cuối cùng cho các chính phủ đã ký Tuyên bố thiên niên kỷ để chứng tỏ rằng họ có

ý định hành động và rằng họ có khả năng làm thay đổi với các “công việc vẫn như thường lệ”. Đây là cơ hội để chứng minh rằng Tuyên bố thiên niên kỷ không chỉ là lời hứa trên giấy mà là một sự cam kết để thay đổi. Hội nghị thượng đỉnh sẽ là thời điểm để huy động các nguồn lực đầu tư và xây dựng các kế hoạch cần thiết để hình thành các rào bảo vệ mà có thể ngăn chặn được cơn sóng thần của đói nghèo thế giới. Điều cần thiết là các mong muốn chính trị sẽ phải hành động trên tầm nhìn mà các Chính phủ đã đề ra cách đây 5 năm.

Báo cáo Phát triển Con người năm 2005

Báo cáo này nói về quy mô các thách thức đối với thế giới trong vòng 10 năm từ nay đến 2015. Báo cáo tập trung vào các việc mà chính phủ các nước giàu có thể làm để mặc cả với các đối tác toàn cầu. Điều này không có ý rằng các chính phủ của các nước đang phát triển không có trách nhiệm gì. Ngược lại, họ là người có trách nhiệm chính. Không có khoản hợp tác quốc tế nào có thể bù đắp cho các hoạt động của chính phủ mà không đặt ưu tiên về phát triển con người, không tôn trọng nhân quyền, không đấu tranh chống lại bất bình đẳng và không xoá bỏ tham nhũng. Nhưng nếu không nhắc lại cam kết với sự hợp tác dựa trên hành động cụ thể thì các mục tiêu MDG sẽ không đạt được – và bản Tuyên bố thiên niên kỷ sẽ rơi vào lịch sử như là một lời hứa trống rỗng.

Khung 1 – Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ

Tháng 9 năm 2005 Đại hội đồng Liên hợp quốc sẽ kiểm điểm các kết quả đã đạt được từ khi có Tuyên bố thiên niên kỷ vào năm 2000, bao gồm các tiến độ đạt được 8 Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Các Mục tiêu này cho ta các khuôn khổ nhìn thấy được để đo được tiến độ trong 8 lĩnh vực với thời hạn để đạt được là năm 2015:

Mục tiêu 1 – Xoá bỏ đói nghèo cùng cực. Giảm một nửa tỷ lệ số dân sống dưới mức 1 đô la/ngày và giảm một nửa tình trạng suy dinh dưỡng.

Mục tiêu 2 – đạt được phổ cập giáo dục tiểu học. Đảm bảo rằng tất cả mọi trẻ em đều có thể tốt nghiệp giáo dục tiểu học.

Mục tiêu 3 – thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường năng lực cho phụ nữ. Xoá bỏ sự khác biệt giới trong các trường tiểu học và trung học, tốt nhất là vào năm 2005 nhưng không chậm hơn 2015.

Mục tiêu 4 – giảm tử vong trẻ em. Giảm hai phần ba tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi

Mục tiêu 5 – nâng cao sức khoẻ bà mẹ. Giảm ba phần tư tỷ lệ tử vong ở bà mẹ

Mục tiêu 6 – đấu tranh chống lại HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác. Chấm dứt và bắt đầu chống được HIV/AIDS và các bệnh khác

Mục tiêu 7 – đảm bảo ổn định môi trường, giảm một nửa tỷ lệ số dân không tiếp cận một cách bền vững được với nước uống an toàn và vệ sinh.

Mục tiêu 8 – xây dựng sự hợp tác toàn cầu vì mục đích phát triển. Đổi mới công tác viện trợ và thương mại với sự đối xử đặc biệt đối với các nước nghèo nhất.

Điều nguy hiểm trong 10 năm tới cũng giống như 15 năm trước đây là các kết quả đạt được về phát triển con người còn xa so với các lời hứa mới

Chúng ta tập trung vào ba trụ cột của hợp tác, mỗi trụ cột này đều khẩn thiết phải đổi mới. Trụ cột thứ nhất là trợ giúp phát triển. Viện trợ quốc tế là một khoản đầu tư quan trọng trong phát triển con người. Kết quả của sự đầu tư có thể đo được trong tiềm năng của con người được thể hiện thông qua việc chống lại được các bệnh tật và cái chết không tránh khỏi, giáo dục được mọi trẻ em, khắc phục được các bất bình đẳng và tạo ra được các điều kiện để tăng trưởng kinh tế một cách bền vững. Trợ giúp phát triển hiện đang gặp hai vấn đề: thường xuyên thiếu tài chính và chất lượng thấp. Cả hai mặt này đã có những tiến bộ đáng kể nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm để thu hẹp các bất cập về tài chính trong thực hiện các mục tiêu MDG và nâng cao giá trị của đồng tiền.

Trụ cột thứ hai là thương mại quốc tế. Trong các điều kiện tốt thương mại có thể là một chất xúc tác mạnh cho việc phát triển con người. “Vòng đàm phán phát triển” Doha của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2001 chỉ bàn, đưa ra và tạo cho các Chính phủ nước giàu một cơ hội để tạo ra những điều kiện đó. Bốn năm tiếp theo, chẳng có một nội dung nào được thực hiện. Chính sách thương mại của các nước giàu tiếp tục từ chối các nước nghèo và người dân nghèo đòi hỏi một sự chia sẻ công bằng các phúc lợi của toàn cầu – và họ chỉ lướt qua bề mặt của Tuyên bố thiên niên kỷ. Còn hơn cả viện

trợ, thương mại có tiềm năng làm tăng phần lợi của các nước và người dân nghèo nhất đối với phúc lợi toàn cầu. Gây cản trở tiềm năng đó thông qua các chính sách thương mại là điều không nhất quán với cam kết để thực hiện các mục tiêu MDG. Hơn thế nữa đó còn là điều bất công và giả tạo.

Trụ cột thứ ba là an ninh. Các xung đột nghiêm trọng đã làm mất đi sinh mạng của hàng trăm triệu con người. Đó còn là nguồn gốc của các xâm phạm có hệ thống về nhân quyền và là một rào cản cho việc đạt được các mục tiêu MDG. Bản chất của xung đột đã thay đổi và các đe dọa mới đối với nền an ninh tập thể đã xuất hiện. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, các mối đe dọa do không ngăn được xung đột hoặc không nắm được cơ hội để có hoà bình thì vấn đề an ninh vượt ra khỏi biên giới các quốc gia là điều không thể tránh khỏi. Hợp tác quốc tế hiệu quả hơn sẽ giúp loại bỏ rào cản đối với việc thực hiện các mục tiêu MDG do xung đột nghiêm trọng và tạo ra các điều kiện để đẩy mạnh phát triển con người và xây dựng nền an ninh thực sự.

Sự đổi mới cần được tiến hành đồng thời đối với từng trụ cột của hợp tác quốc tế. Sự thất bại trong bất kỳ một lĩnh vực nào đều sẽ không khai thác hết các nền tảng cho tiến bộ trong tương lai. Các quy định luật pháp hiệu quả hơn trong thương mại quốc tế sẽ có ít tác dụng đối với các nước xảy ra xung đột nghiêm trọng gây cản trở cho các cơ hội tham gia trong thương mại. Việc tăng viện trợ mà không có các luật pháp hiệu quả hơn về thương mại cũng sẽ không đưa lại các kết quả tối ưu. Và hoà bình nếu thiếu các mục tiêu về nâng cao phúc lợi con người và giảm đói nghèo thông qua các viện trợ và thương mại thì cũng sẽ rất dễ đổ vỡ.

Tình hình Phát triển Con người

Cách đây 15 năm, Báo cáo Phát triển Con người đầu tiên đã mong đợi một thập kỷ phía trước với một tiến bộ nhanh. “Báo cáo 1990” đó đã dự đoán một cách lạc quan “thập niên tới là thập niên cho phát triển con người với các đồng thuận đã đạt được các mục tiêu thực tế của các chiến lược phát triển”. Ngày nay cũng như vào năm 1990 sự nhất trí về phát triển vẫn còn nguyên giá trị. Sự nhất trí đó đã được bày tỏ mạnh mẽ trong các báo cáo của dự án Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và trong Ủy ban về Châu Phi do Vương quốc Anh tài trợ. Rất đáng tiếc sự nhất trí này vẫn chưa được đưa vào các hành động thực tiễn – có nhiều dấu hiệu đáng ngại cho thập niên tới. Điều nguy hiểm trong 10 năm tới cũng giống như 15 năm trước đây là các kết quả đạt được về phát triển con người còn xa so với các lời hứa mới.

Đã có nhiều kết quả thu được kể từ bản báo cáo đầu tiên. Nói chung, người dân ở các nước đang phát triển có sức khoẻ tốt hơn, được giáo dục nhiều hơn và giảm được nghèo đói và dường như họ đang được sống trong một xã hội dân chủ đa đảng. Từ năm 1990, tuổi thọ ở các nước đang phát triển tăng trung bình là 2 năm. Có ít hơn 3 triệu trẻ em

bị chết hàng năm và có ít hơn 30 triệu trẻ em không được đến trường. Hơn 130 triệu người đã thoát khỏi đói nghèo, cùng cực. Những thành tựu về phát triển con người này cần được ghi nhận đầy đủ cũng như không được nói quá phóng đại.

Năm 2003, 18 nước với tổng số dân 460 triệu người đã được ghi nhận có số điểm thấp nhất về Chỉ số Phát triển Con người (HDI) so với năm 1990, một sự thụt lùi đáng bất ngờ. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng phồn vinh hơn lại có 17 triệu trẻ em mỗi năm không được chứng kiến lần sinh nhật thứ 5 của mình, và còn có hơn 1 tỷ người sống với mức thu nhập dưới 1 đôla một ngày. Thảm họa HIV/AIDS đã gây trở ngại lớn nhất cho phát triển con người. Trong năm 2003 đại dịch này đã cướp đi sinh mạng của 3 triệu người và để lại 5 triệu người khác bị nhiễm bệnh. Hàng triệu trẻ em đã bị mồ côi.

Hội nhập toàn cầu đang thúc đẩy các mối quan hệ sâu sắc lẫn nhau giữa các nước. Về mặt kinh tế khoảng cách giữa các quốc gia và con người nằm trong các lĩnh vực thương mại, công nghệ và đầu tư, họ kết nối với nhau trong một mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau. Về mặt phát triển con người, khoảng cách giữa các nước được ghi nhận là có sự bất bình đẳng sâu sắc và ngày càng lớn trong thu nhập và trong các cơ hội cuộc sống. Một phần năm nhân loại đang sống ở các nước nơi mà mọi người chỉ nghĩ làm sao chi được 2 đô la một ngày cho cà phê cappuccino. Một phần năm nhân loại khác hiện đang tồn tại chỉ với 1 đô la/ngày và họ đang sống ở nơi có trẻ em tử vong vì đơn giản do không có màn chống muỗi (Khung 2).

Những năm đầu của thế kỷ 21, chúng ta đang sống trong một thế giới có sự chia rẽ. Mức độ chia rẽ đặt ra một thách thức cơ bản cho cộng đồng con người toàn cầu. Một phần của thách thức đó là vấn đề sắc tộc và tôn giáo. Như ông Nelson Mandela nói vào năm 2005: "Đói nghèo hàng loạt và sự bất bình đẳng là những tai họa khủng khiếp của thời đại chúng ta, thời đại mà thế giới đang thụ hưởng những tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, công nghiệp và tích lũy của cải, các thành tựu này đi song hành với các tội phạm xã hội như chế độ nô lệ và chủ nghĩa A-pác-thai". Hai tai họa sinh đôi là nghèo đói và bất bình đẳng này có thể được giải quyết, nhưng đến nay tiến độ vẫn còn chậm và không đồng đều.

Các nước giàu cũng như các nước nghèo đều có mối quan tâm tới việc thay đổi bức tranh này. Giảm thiểu khoảng cách về sự giàu có và tận hưởng cơ hội làm chia rẽ cộng đồng con người không phải một trò chơi không ai được gì (zero-sum game). Mở rộng cơ hội cho mọi người ở các nước này sẽ tạo ra cuộc sống lành mạnh và dài lâu hơn, giúp con em của họ có sự giáo dục tốt đẹp và thoát được đói nghèo. Việc này sẽ không làm giảm phúc lợi của người dân ở các nước giàu. Ngược lại nó sẽ giúp xây dựng sự phồn vinh chung có sự chia sẻ và tăng cường nền an ninh tập thể của chúng ta. Trong thế giới có mối liên hệ lẫn nhau, một tương lai được xây dựng trên nền tảng đói nghèo tràn lan sẽ không

500 cá nhân giàu nhất thế giới hiện có tổng thu nhập lớn hơn cả 416 triệu người nghèo nhất.

mang lại hiệu quả cho phát triển kinh tế, sự bền vững về chính trị và dễ bị đổ vỡ về mặt tinh thần.

Sự khác nhau về tuổi thọ là một vấn đề cơ bản của mọi sự bất bình đẳng. Ngày nay có một số người sống ở Zambia chỉ có tuổi thọ không quá 30 so với tình hình tương tự ở Anh vào năm 1840, và sự khác biệt này ngày càng lớn hơn. HIV/AIDS là tiêu điểm của vấn đề. Ở Châu Âu người ta đã gặp cú sốc dân số lớn nhất khi nước Pháp bị thảm họa “Cái chết Đen” trong Thế chiến lần thứ nhất. Tuổi thọ giảm mất khoảng 16 năm. Để so sánh, Botswana là nước đang phải đối mặt với đại dịch HIV/AIDS làm tuổi thọ giảm đi mất 31 năm. Ngoài mất mát trước mắt về mặt con người, HIV/AIDS đang tàn phá cấu trúc kinh tế và xã hội mà đó là chỗ dựa để khắc phục thảm họa. Căn bệnh này đến nay vẫn vô phương cứu chữa. Nhưng hàng triệu sinh mạng vẫn có thể được cứu sống nếu cộng đồng quốc tế không muốn đợi đến khi sự đe dọa nghiêm trọng đó phát triển thành một cuộc khủng hoảng toàn diện.

Không có chỉ tiêu nào ghi nhận sự khác biệt trong cơ hội phát triển con người đầy đủ hơn chỉ tiêu về tỷ lệ tử vong ở trẻ em. Tỷ lệ tử vong trẻ em trên thế giới đang giảm dần nhưng xu hướng đang chậm lại, và khoảng cách giữa các nước giàu và nghèo đang lớn hơn. Đây là một lĩnh vực mà xu hướng chậm lại sẽ làm tổn thất sự sống. Nếu tiến bộ của những năm 80 của thế kỷ 20 được duy trì từ 1990 đến nay thì sẽ không có 1,2 triệu trẻ em bị chết trong năm nay. Tiểu vùng sa mạc Sahara của Châu Phi có số trẻ em tử vong cao: khu vực này có số trẻ sơ sinh chiếm 20% của thế giới và tỷ lệ tử vong chiếm 44% (Bản đồ 1). Tuy nhiên việc suy giảm tiến bộ còn nằm ở nhiều nơi khác ngoài Tiểu vùng sa mạc Sahara. Một số ví dụ có thể nhận thấy rõ nằm ở Trung quốc và Ấn độ trong việc gắn kết giữa tạo ra của cải và thu nhập cao với việc giảm nhanh tỷ lệ tử vong ở trẻ em (Khung 3, Hình 1). Sự bất bình đẳng lớn trong phát triển con người là điểm trung tâm của vấn đề.

Các cuộc tranh luận về xu hướng phân bố thu nhập toàn cầu vẫn còn tiếp tục sôi nổi. Vấn đề ít được đưa ra bàn cãi là quy mô tuyệt đối của sự bất bình đẳng. 500 cá nhân giàu nhất thế giới hiện có tổng thu nhập lớn hơn cả 416 triệu người nghèo nhất. Hơn thế nữa 2,5 tỷ người hiện đang sống ở mức dưới 2 đô la/ngày, chiếm 40% dân số thế giới với chỉ bằng 5% thu nhập toàn cầu. 10% những người giàu nhất, hầu hết sống ở các nước có thu nhập cao, hiện chiếm 54% (Hình 2)

Khung 2 - Cứu sống 6 triệu người — một việc có thể làm được

Hầu hết tử vong ở trẻ em đều có thể tránh được. Đáng nhẽ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn thì tỉ lệ tử vong sẽ giảm, nhưng tỉ lệ này lại cao hơn dự đoán bởi vì chúng ta đã không sử dụng hết các can thiệp công nghệ thấp, có chi phí thấp nhưng có hiệu quả, và bởi chúng ta chưa giải quyết được các nguyên nhân về tổ chức của đói nghèo và bất bình đẳng.

Các nghiên cứu ở nhiều quốc gia được xuất bản trong cuốn The Lancet năm 2003 đã xác định 23 loại can thiệp có tác động lớn nhất đối với giảm tử vong trẻ em. Các can thiệp này, 15 thuộc về dự phòng và 8 thuộc về chữa trị, bao gồm từ việc trị liệu bằng thuốc uống tới thuốc viên và cung cấp gường màn để phòng côn trùng truyền bệnh sốt rét và các chú trọng công tác chăm sóc tiền sản và sinh sản. Hầu hết các can thiệp có thể được tiến hành trên cơ sở chi phí thấp thông qua các nhân viên y tế được đào tạo và sự tham gia của các cộng đồng địa phương. Sử dụng số liệu năm 2000 và lấy giả thiết rằng các can thiệp nói trên được thực hiện 100%, các tác giả của nghiên cứu đã kết luận rằng có thể cứu được 2/3 trong tổng số 6 triệu trẻ em có nguy cơ tử vong.

Các số liệu nghiên cứu đã nêu bật khả năng to lớn có thể giải quyết được một trong những vấn đề trầm trọng nhất về phát triển con người hiện đang thách thức cộng đồng quốc tế. Các bệnh lây lan và truyền nhiễm có hệ thống như viêm phổi, nhiễm trùng máu, ỉa chảy và uốn ván đang làm cho 2/3 trẻ em bị tử vong, hầu hết các bệnh này có thể ngăn chặn được. 2.5 triệu cái chết do ỉa chảy và viêm phổi có thể giảm được đáng kể thông qua các can thiệp ở cấp cộng đồng với sự hỗ trợ của các cơ quan Chính phủ. Các ưu tiên can thiệp chính xác ở từng nước rất khác nhau và không có một giải pháp nào là duy nhất. Vấn đề chung ở đây là độ che phủ của các dịch vụ còn thấp, mức độ bất bình đẳng gắn liền với đói nghèo còn cao và chưa chú ý đến vấn đề tử vong tiền sản trong chính sách y tế công. Một số ý kiến cho rằng các mục tiêu MDG về giảm thiểu 2/3 tử vong ở trẻ em có thể sẽ không đạt được, các ý kiến đó là:

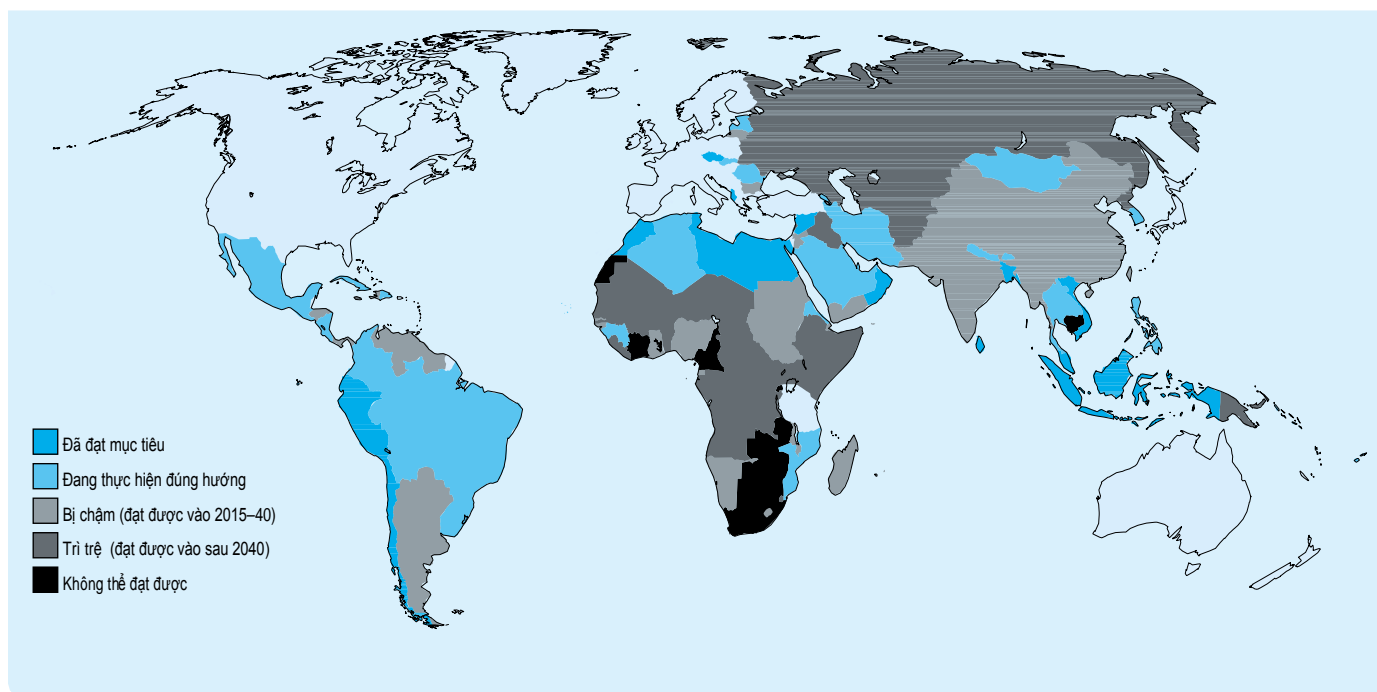
- Ý kiến 1: *Việc giảm tỷ lệ tử vong trẻ em quá nhanh là không thể đạt được do không đủ tài chính*. Điều này không đúng. Một số nước quả thật đang gặp khó khăn về tài chính, vì vậy cần phải tăng viện trợ. Nhưng tử vong trẻ em là một lĩnh vực theo đó chỉ cần các đầu tư nhỏ cũng mang lại các kết quả lớn. Nghiên cứu tại các nước gần đây, 75 nước chiếm 90% số các nước có tỉ lệ tử vong cao, cho thấy có thể giảm thiểu khoảng 59% tỉ lệ này, nghĩa là có thể cứu được 2.3 triệu sinh mạng. Chi phí 4 tỉ đô la cho việc này có nghĩa chỉ bằng chi phí cho quân sự ở các nước phát triển trong 2 ngày.
- Ý kiến 2: *Các can thiệp bằng công nghệ cao, chẳng hạn bằng các thiết bị chăm sóc tích cực, là chìa khóa cho sự thành công*. Điều này không đúng. Thụy Điển vào cuối thế kỷ IX và Vương quốc Anh sau năm 1945 đã thành công trong việc giảm tử vong tiền sản với việc áp dụng công tác chăm sóc tiền sản không mất tiền, chú ý chuyên môn tới khi sinh và tăng lượng thuốc kháng sinh. Các nước đang phát triển như Malaysia và Sri Lanka cũng đạt được tương tự việc làm giảm tử vong tiền sinh thông qua các can thiệp đơn giản ở tuyến huyện, làm tại nhà với sự hỗ trợ về tài chính công và thông qua đào tạo các nhân viên y tế và bà đỡ.

- Ý kiến 3: *Các nước nghèo thiếu năng lực thể chế để tăng cường công việc.* Điều này không đúng. Việc có các cơ quan và thể chế là cần thiết, nhưng có rất nhiều nước nghèo đã đạt được tiến bộ nhanh bằng việc sử dụng các cấu trúc thể chế một cách sáng tạo. Ai Cập đã duy trì mức giảm nhanh nhất về tỷ lệ tử vong trẻ em so với các nước trên thế giới kể từ 1980. Bangladesh, Honduras, Nicaragua và Việt Nam cũng đã đạt được những tiến bộ nhanh. Ở từng nước nói trên, các chương trình phân cấp tới tuyến huyện đã lồng ghép giai đoạn tiền sinh vào công tác chăm sóc sức khỏe. Các nước đó cũng đã đầu tư cho công tác đào tạo nhân viên y tế và bà đỡ đồng thời tập trung vào nhóm những người bị thiệt thòi nhất. Thậm chí trường hợp các nước triển khai chưa tốt cũng không phải do thiếu tiềm năng để tăng cường công việc. Tại bang Maharashtra của Ấn Độ có một dự án thí điểm ba năm tiến hành tại 39 làng với các chương trình chăm sóc sức khỏe tiền sinh cơ bản thông qua cung cấp dịch vụ tại nhà và các can thiệp y tế với chi phí 5 USD cho một người. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em đã giảm từ 75 trên 1000 lần sinh trong giai đoạn bắt đầu dự án (1993 - 1995) và ba năm sau đó, xuống còn 39 trên 1000 lần sinh. Tỷ lệ tử vong tại một huyện lân cận chỉ giảm được từ 77 xuống 75 trẻ tử vong trên 1000 lần sinh trong cùng một quãng thời gian đó.

Khả năng để có tiến bộ nhanh cho thấy hiện nay còn thiếu rất nhiều dịch vụ được cung cấp. Ở vùng tiểu sa mạc Sahara ở châu Phi chỉ có dưới 40% phụ nữ sinh đẻ được nhận chăm sóc có chuyên môn còn ở Nam Á con số này chỉ dưới 30%. Hơn 60 triệu phụ nữ mỗi năm sinh đẻ không được chăm sóc chuyên môn. Sự bất bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ, vấn đề này được đề cập ở chương 2, tập trung vào nhóm những người bị thiệt thòi, những phụ nữ nghèo nhất là những người được chăm sóc kém nhất và dường như không có lợi thế để nhận được các dịch vụ, lý do vì không có sẵn dịch vụ hoặc không đủ tiền, hoặc các dịch vụ có chất lượng kém. Ngoài việc cung cấp dịch vụ nói trên các bất bình đẳng sâu sắc về giới cũng làm trầm trọng thêm vấn đề. Các con số dự đo án cho thấy nếu sinh đẻ thừa cũng có thể giảm tỷ lệ tử vong khoảng 20% ở Ấn Độ và 10% ở Nigeria, những nước có tỷ lệ tử vong lúc sinh lớn nhất. Việc thiếu kiểm soát sinh đẻ có liên quan đến mất cân đối quyền lực trong gia đình và nhiều lý do khác là trọng tâm của vấn đề.

Các rào cản thực tế đối với tiến trình giảm thiểu tử vong trẻ em không phải về tài chính hay về tổ chức thể chế mặc dù những yếu tố này là các khó khăn trong cả hai lĩnh vực. Việc cung cấp dịch vụ kém chất lượng và các thâm hụt tài chính kinh niên là các vấn đề cần được giải quyết. Đồng thời các chiến lược giảm nghèo cần phải tập trung hơn nữa vào các nguy cơ nhân cấu trúc của tử vong cao do địa thế thấp của phụ nữ, các bất bình đẳng trong tiếp cận với chăm sóc sức khỏe và không có ưu tiên đến sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Bản đồ 1 - Phân bố địa lý về tử vong ở trẻ em — tiến độ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đến năm 2015



Khung số 3: Ấn Độ — một ví dụ thành công về toàn cầu hoá với các thống kê về phát triển con người đa dạng

“Sự tiến bộ chậm chạp trong tình hình sức khoẻ của nhân dân chúng ta đã trở thành một vấn đề rất đáng quan ngại. Chúng ta đã không chú ý đầy đủ tới y tế” Tiến sĩ Manmohan Singh, Thủ tướng Ấn Độ, 1 tháng Tư năm 2005.

Ấn Độ đã được nhiều nước ca ngợi là nước thành công trong toàn cầu hoá. Trong hai thập niên vừa qua nước này đã bước vào nhóm nước hàng đầu có tăng trưởng cao của thế giới; Xuất khẩu công nghệ cao đang bùng nổ và người tiêu dùng trung lưu mới xuất hiện ở Ấn Độ đã trở thành cực hút các nhà đầu tư nước ngoài. Như ngài Thủ tướng Ấn Độ đã thừa nhận, thành tích về phát triển con người của đất nước không ấn tượng bằng thành tích về hội nhập toàn cầu.

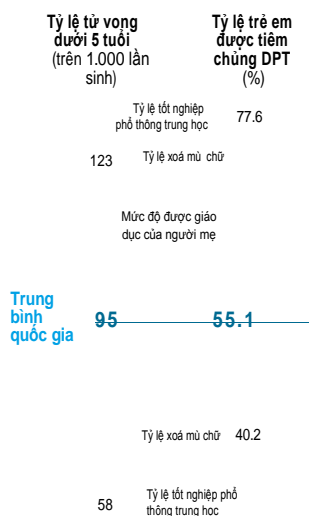
Nghèo đói do thu nhập thấp đã giảm từ khoảng 36% trong những năm đầu của thập niên 90 xuống còn 25% và 30% ngày nay. Các số liệu chính xác khó có thể có được do vấn đề điều tra. Nhưng các bằng chứng nói chung cho thấy sự tiến bộ trong tăng trưởng đã không đóng góp cho việc giảm nghèo. Điều lo lắng hơn nữa

Sự khác nhau giữa các bang ở Ấn Độ

Chỉ tiêu	India	Kerala	Bihar	Rajasthan	Uttar Pradesh
Tỷ lệ phụ nữ (%)	48	52	49	48	48
Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 lần sinh)	95	19	105	115	123
Tỷ lệ sinh (số lần sinh trên một phụ nữ)	2.9	2.0	3.5	3.8	4.0
Sinh sản có chăm sóc Y tế chuyên nghiệp (%)	42	94	23	36	22
Tỷ lệ được tiêm chủng đầy đủ (%)	42	80	11	17	21

Nguồn: IIPS và ORC Macro 2000.

là các cải thiện trong tỷ lệ tử vong trẻ em vẫn còn rất chậm, và Ấn Độ hiện nay còn đi chệch các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ MDG. Một số thành phố phía nam của Ấn Độ có thể đang có bùng nổ về công nghệ cao, nhưng với một trên 11 trẻ em Ấn Độ bị chết dưới 5 tuổi do thiếu công nghệ thấp và thiếu các can thiệp chi phí thấp. Vấn đề suy dinh dưỡng hầu như chưa được cải thiện trong mười năm qua, điều này gây ảnh hưởng tới một nửa số trẻ em của đất nước. Có một trong bốn bé gái và hơn một trong mười bé trai không được đến trường.



Nguồn: IIPS và ORC Macro 2000.

Tại sao sự tăng trưởng thu nhập đã tăng lên nhưng nó không đưa Ấn Độ tới một con đường giảm đói nghèo nhanh hơn? Đói nghèo cùng cực tập trung ở các vùng nông thôn của các bang nghèo phía Bắc là Bihar, Madhya Pradesh, Uta Pradesh và West Bengal, trong khi tăng trưởng thu nhập đã rất năng động ở các bang khác, các khu vực đô thị và trong các khu vực dịch vụ. Trong lúc đói nghèo ở nông thôn đã giảm nhanh ở một số bang như Gujarat và Tamil Nadu, có rất ít tiến bộ đạt được tại các bang phía Bắc. Ở cấp quốc gia, thất nghiệp trong nông thôn đang tăng cao, sản lượng nông nghiệp đang tăng với mức ít hơn 2% một năm, tiền công trong nông nghiệp vẫn không đổi và sự tăng trưởng thực chất là “sự thất nghiệp”. Cứ mỗi một phần trăm của tăng trưởng thu nhập Quốc gia đã tạo ra số công việc gấp ba lần trong những năm 80 và cả trong những năm 90. Vấn đề sâu sắc mà Ấn Độ đang đối mặt là sự chậm tiến trong phát triển con người. Đặc biệt các bất bình đẳng giới lan tràn gắn với đói nghèo nông thôn và bất bình đẳng giữa các Bang đang làm yếu đi tiềm năng để chuyển hoá vào phát triển con người.

Có thể sự bất bình đẳng giới được thể hiện bởi dữ kiện đơn giản sau: 50% trẻ em gái tuổi từ 1 đến 5 dễ chết hơn trẻ em trai. Dữ kiện này có thể hiểu là sẽ mất khoảng 130.000 trẻ em gái. Ở tuổi 30, tỷ lệ tử vong của phụ nữ vẫn còn cao hơn tỷ lệ tử vong của đàn ông, làm mất cân đối mô hình dân số. Những sự khác biệt giới nói trên phản ánh một ý thích chỉ có con trai tràn lan, đặc biệt là ở các bang phía Bắc. Trẻ em gái được đánh giá kém hơn các anh em trai nên thường được đưa tới các cơ sở y tế khi ốm đau đã quá nặng, đến khám ở các bác sỹ có trình độ thấp và được dành ít tiền hơn để chi cho chăm sóc sức khỏe. Các bất lợi về địa thế và giáo dục thấp của phụ nữ có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe và con cái của họ. Khoảng 1 phần ba trẻ con Ấn Độ thiếu cân lúc sinh, điều này phản ánh sức khỏe bà mẹ kém.

Việc cung cấp dịch vụ y tế không phù hợp làm trầm trọng hơn vấn đề bị thiệt thòi của những người dễ bị tổn thương. Sau 15 năm trường trình tiêm chủng trẻ em mở rộng được thực hiện các cuộc điều tra về y tế trong nước cho thấy chỉ có 42% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ. Diện che phủ các dịch vụ thấp nhất là ở các bang có tỷ lệ tử vong cao nhất và ở bang Bihar và Uttar Pradesh tỷ lệ này chỉ có dưới 20%. Ấn Độ có thể là nước đứng đầu thế giới về các dịch vụ máy tính điện tử, nhưng khi nói đến các dịch vụ tiêm chủng cơ bản cho trẻ em ở các vùng nông thôn nghèo, các thành tích không lấy gì làm ấn tượng.

Bất bình đẳng giới là một trong những guốc hãm mạnh đối với phát triển con người. Vấn đề giáo dục của phụ nữ trong quyền học hành của mình cũng liên quan chặt chẽ với tỷ lệ tử vong ở trẻ em. Tỷ lệ tử vong dưới 5 tuổi cao hơn hai lần đối với trẻ em có mẹ mù chữ so với trẻ em có mẹ tốt nghiệp trung học (xem hình). Khi được cung cấp đủ dinh dưỡng hơn và được học hành tốt hơn, các bà mẹ có thể sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản và ít để con ở lúc đã có tuổi và thường đẻ con thưa hơn. Đó là các yếu tố tích cực giúp cho tránh tử vong ở trẻ em. Tương tự như vậy, nếu các bé gái bị tước đi một quyền cơ bản đó là quyền bình đẳng trong giáo dục thì sẽ có tỷ lệ trẻ em tử vong cao. Bất bình đẳng giữa các bang cũng liên quan đến các bất bình đẳng giới và thu nhập (xem bảng). Bốn bang chiếm hơn nửa số trẻ em tử vong là: Bihar, Madhya Pradesh, Rajasthan và Uttar Pradesh (xem hình). Những bang này cũng bị đánh dấu là có các bất bình đẳng giới sâu sắc nhất ở Ấn Độ. Điều này tương phản với điều xảy ra ở bang Kerala, tại đó số bé gái sinh ra đạt được sinh nhật lần thứ năm lớn gấp năm lần và số được biết chữ lớn gấp hai lần cũng như sống thọ hơn khoảng 20 năm so với những bé gái sinh ra tại bang Uttar Pradesh. Những sự khác biệt này là do không được cung cấp đầy đủ các dịch vụ y tế tại các bang có tỷ lệ tử vong cao ở phía Bắc, việc đó gắn với việc vô trách nhiệm của các cơ quan quản lý cấp Bang. Việc chuyển hoá thành công trong kinh tế thành những tiến bộ trong phát triển con người sẽ cần phải có các chính sách công nhằm vào việc mở rộng sự phân bổ các lợi ích do tăng trưởng và hội nhập toàn cầu, tăng cường đầu tư công cộng tại các khu vực nông thôn và vào các dịch vụ và điều trên hết là phải có lãnh đạo chính trị để chấm dứt sự yếu kém của quản lý nhà nước và giải quyết được những nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng giới.

Có những tín hiệu đáng mừng là sự lãnh đạo này có thể bắt đầu xuất hiện. Năm 2005 Chính phủ Ấn độ đã triển khai một chương trình Sứ mạng Y tế Nông thôn Quốc gia 1,5 tỷ USD tập trung vào 300.000 làng với sự tập trung ban đầu vào các bang nghèo nhất ở phía Bắc và Đông Bắc. Các cam kết đã được thực hiện để nâng cao mức chi cho Y tế từ 0,9% thu nhập quốc gia lên 2,3%. Chi phí cho giáo dục cũng đã tăng. Các chương trình đầu tư công lớn đang được thực hiện nhằm tạo ra các điều kiện cho đẩy mạnh tăng trư ở nông thôn như mở rộng kết cấu hạ tầng, bao gồm cả việc cung cấp nước uống và làm đường xá.

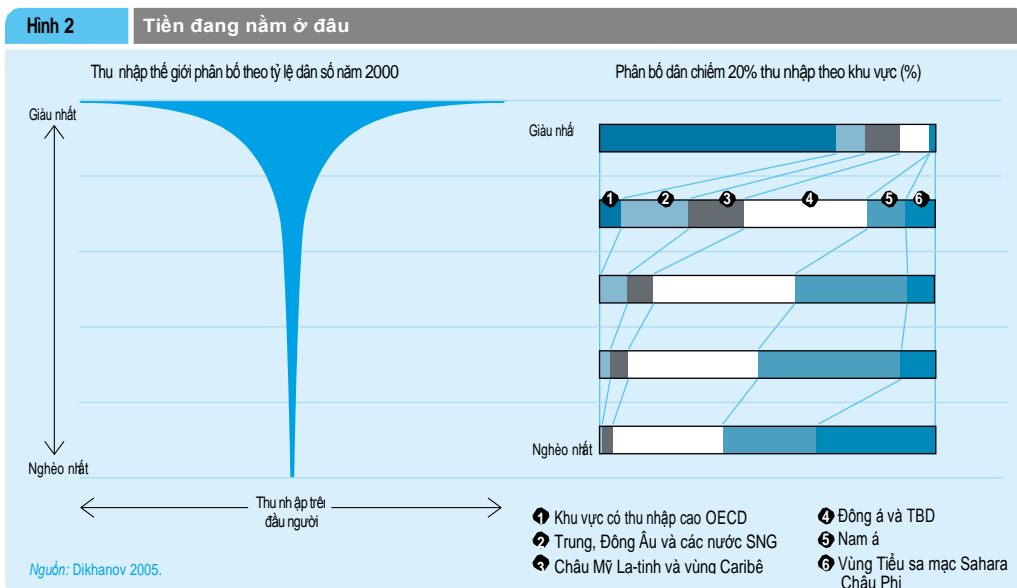
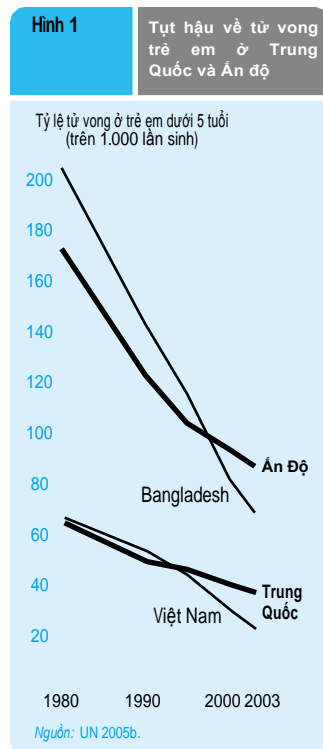
Chuyển hoá các cam kết tăng tài chính thành những kết quả tốt đòi hỏi có sự tập trung lớn vào việc giải ngân có hiệu quả và các biện pháp để cải thiện chất lượng các dịch vụ Y tế. Không thiếu các mô hình sáng tạo để kể ra. Các bang như Himachal Pradesh và Tamil Nadu đã duy trì được sự tiến bộ nhanh về giáo dục, không chỉ về mặt tăng cường cung cấp tài chính mà còn nâng cao trách nhiệm của những người cung cấp dịch vụ và có các biện pháp khuyến khích như cung cấp bữa ăn trưa tại trường học không mất tiền, cấp các học bổng và sách giáo khoa nhằm nâng cao sự tham gia của các hộ nghèo.

Khắc phục sự trì trệ của những thập niên về đầu tư quá ít cho phát triển con người và các bất bình đẳng sâu sắc về giới đang đặt ra các thách thức to lớn. Cần có sự lãnh đạo chính trị ở cấp cao để giải quyết các thách thức này. Không cung cấp hoặc không tạo ra các cơ hội giáo dục và sức khoẻ cho mọi người, dù là người giàu hay người nghèo, chắc chắn sẽ làm cản trở cho tương lai của Ấn độ trong nền kinh tế toàn cầu.

Một điều thấy rõ hiển nhiên của bất bình đẳng thế giới là thậm chí chỉ có các thay đổi khiêm tốn trong phân phối từ cao xuống thấp cũng có thể có tác động đáng kể đối với đói nghèo. Sử dụng cơ sở dữ liệu về phân phối thu nhập toàn cầu chúng ta dự tính cần 300 tỷ đô la để nâng mức sống của 1 tỷ người có thu nhập ít hơn 1 đô la/ngày vượt qua khỏi giới hạn cực nghèo. Số tiền trên bằng 1.6% thu nhập của những người giàu nhất hiện chiếm 10% dân số thế giới. Tất nhiên con số này chỉ mô tả một sự chuyển giao tĩnh. Việc đạt được sự giảm nghèo một cách bền vững đòi hỏi các quá trình động qua đó các nước nghèo và dân nghèo có thể tạo ra lối thoát ra khỏi sự khốn cùng. Tuy nhiên trong thế giới còn nhiều bất bình đẳng của chúng ta nếu có một sự bình đẳng cao hơn thì nó cũng trở thành một xúc tác mạnh mẽ để giảm nghèo và thúc đẩy việc đạt các mục tiêu MDG.

Phương hướng phát triển con người hiện nay có liên quan gì đến các mục tiêu MDG? Chúng ta trả lời câu hỏi này bằng cách sử dụng số liệu của quốc gia để định hướng thế giới sẽ đi về đâu dựa vào một số các mục tiêu MDG chính vào năm 2015. Bức tranh không lấy gì làm sáng sủa cho lắm. Các điều bất cập có thể phản ánh qua các con số thống kê, nhưng đằng sau các con số ấy là các sinh mạng và niềm hy vọng của người dân thường. Thiệt hại về con người không bao giờ có thể chỉ đo bằng con số. Nhưng sự định hướng cho 2015 cho ta một dấu hiệu về mức độ của thiệt hại (xem hình vẽ 10 - sự thiệt hại con người do không đạt được các mục tiêu MDG). Trong các hậu quả đối với các nước đang phát triển tiếp tục đi theo con đường mòn hiện tại ta thấy nổi lên:

- Mục tiêu MDG về giảm tử vong ở trẻ em sẽ không đạt được và con số 4,4 triệu sinh mạng trẻ em tử vong vào năm 2015 là điều không tránh khỏi- con số này tương đương gấp ba lần số trẻ em dưới 5 tuổi ở Luân đôn, New York và Tokyo cộng lại.



Tử vong trẻ em — tổn thất về người

Số trẻ em tử vong dưới 5 tuổi (triệu người)

Hiện tại

8

6

4

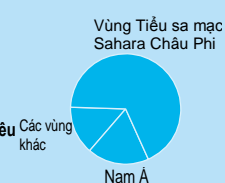
2

0

2015

Thâm hụt 4,4 triệu người

Mục tiêu



Thâm hụt

Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi	3.0
Các quốc gia Á-rập	0.3
Đông Á và TBD	0.3
Nam Á	0.8
Mỹ La tinh và vùng Caribê	0.0
Toàn bộ các nước đang phát triển	4.4

Không tiếp cận được với nước sạch — tổn hại đối với con người

Số người (triệu)

1,000

800

600

400

200

0

2002

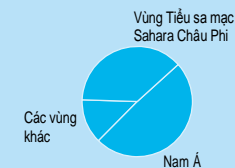
2015

Thâm hụt

Bao nhiêu người không có nước sạch?

Mục tiêu

Thâm hụt 210 triệu người



Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi	278.2	198.6	80.1
Các quốc gia Á-rập	46.7	19.0	6.7
Đông Á và TBD	419.0	190.7	14.6
Nam Á	232.6	108.9	103.6
Mỹ La tinh và vùng Caribê	55.0	8.1	4.9
Toàn bộ các nước ĐPT	1,036.6	525.2	209.9

Đói nghèo về thu nhập — tổn thất đối với con người

Số người (triệu)

1,000

800

600

400

200

0

2002

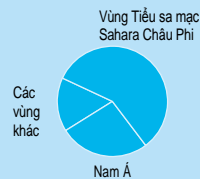
2015

Thâm hụt

Bao nhiêu người sẽ vẫn còn nghèo túng?

Mục tiêu

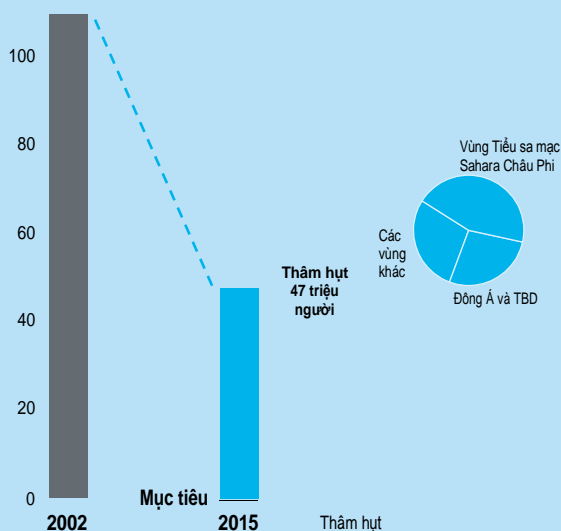
Thâm hụt 380 triệu người



Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi	313.0	352.7	218.7
Các quốc gia Á-rập	7.0	9.8	7.5
Đông Á và TBD	271.0	17.2	7.5
Nam Á	431.0	395.0	101.4
Mỹ La tinh và vùng Caribê	50.0	51.0	44.4
Toàn bộ các nước ĐPT	1,072.0	826.7	379.9

Trẻ em không đến trường — tổn thất về mặt con người

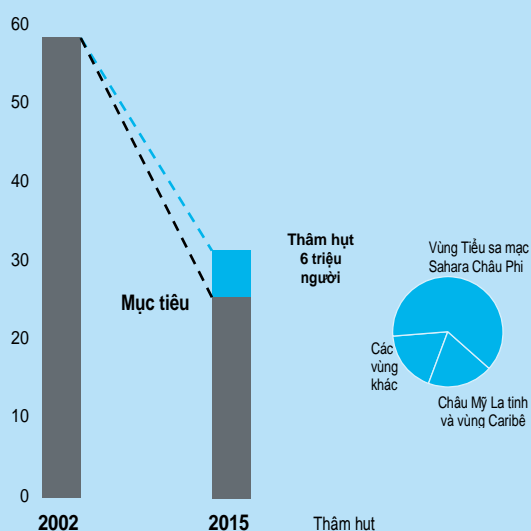
Số trẻ em đến tuổi không được học tiểu học (triệu)



Region	2002	2015	Thâm hụt
Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi	45.5	18.7	18.7
Các quốc gia A-rập	8.8	5.7	5.7
Đông Á và TBD	10.0	15.8	11.3
Nam Á	42.3	4.0	4.0
Mỹ La tinh và vùng Caribê	3.3	0.9	0.9
Toàn bộ các nước ĐPT	109.9	46.7	46.7

Trẻ em gái không đến trường — tổn thất về mặt con người

Số trẻ em gái đến tuổi không được học tiểu học (triệu)



Region	2002	2015	Thâm hụt
Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi	23.8	9.6	3.8
Các quốc gia A-rập	5.0	3.5	0.5
Đông Á và TBD	4.9	7.1	0.7
Nam Á	23.6	9.6	0.0
Mỹ La tinh và vùng Caribê	1.5	1.1	1.1
Toàn bộ các nước ĐPT	58.8	30.9	6.0

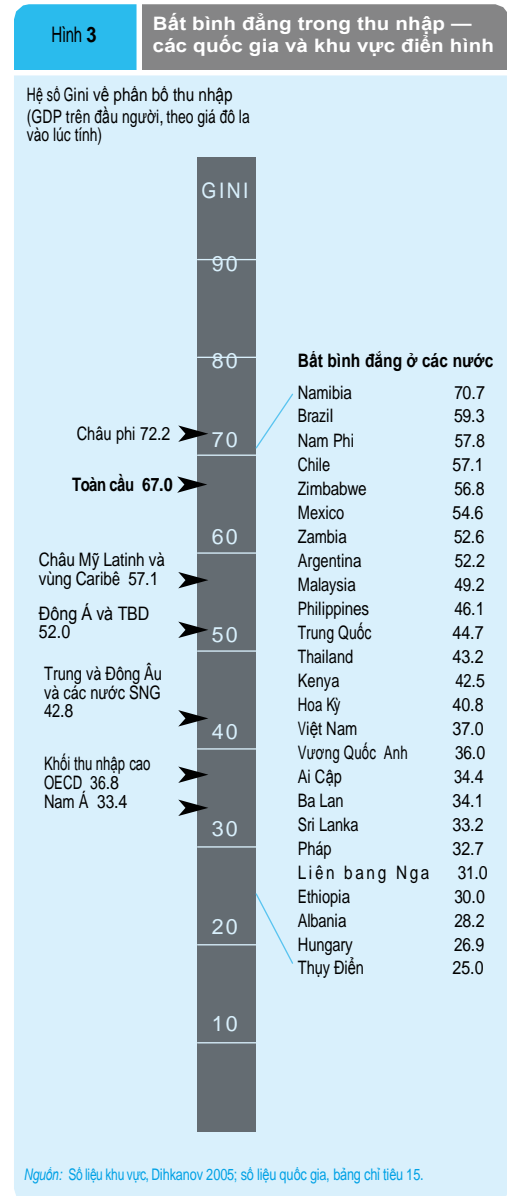
Nguồn : các số liệu về tỷ lệ từ vong trẻ em dưới 5 tuổi và số người được tiếp cận với nước sạch được tính toán dựa trên các nguồn của Liên hợp quốc 2005b; về lần sinh, dân số và tỷ tăng trưởng dân số từ nguồn của Liên hợp quốc 2005d, về số trẻ em nói chung và số trẻ em gái được đến trường từ nguồn của UNESCO 2005, về số trẻ em thất học từ nguồn của UNICEF 2005d, và về số dân sống dưới mức 1 đô la/ngày (PPP US\$) từ nguồn của World Bank 2005d; Chi tiết xin xem ở *Chú thích kỹ thuật* 3 của bản Báo cáo đầy đủ.

Trong 10 năm tới khoảng cách giữa mục tiêu và xu hướng hiện nay sẽ bổ sung thêm hơn 41 triệu trẻ em sẽ chết trước khi sinh nhật lần thứ năm do một loại bệnh hầu như chắc chắn có thể chữa được so với tất cả các loại bệnh, đó là đói nghèo. Đây là một kết quả tổng hợp rất khó có thể đo với sự cam kết của Tuyên bố Thiên niên kỷ về bảo vệ trẻ em thế giới.

- Khoảng cách giữa mục tiêu MDG về giảm một nửa đói nghèo với các kết quả dự kiến tương đương với sẽ có thêm 380 triệu người sống với mức 1 đô la/ngày vào năm 2015.
- Mục tiêu MDG về phổ cập giáo dục tiểu học sẽ không đạt được với xu thế hiện nay, và như vậy sẽ có 47 triệu trẻ em không được đến trường vào năm 2015.

Trên đây là các dự đoán đơn giản căn cứ vào xu hướng hiện tại- mà xu hướng thì không phải là điểm đến cuối cùng. Vì lý do thị trường tài chính có tính quyết định nên sự thực hiện trong quá khứ sẽ không phải là cái định hướng cho tương lai. Các mục tiêu MDG rõ ràng là những điều tốt lành. Như Ông Tổng Thư ký Liên hợp quốc đã nhận xét: “Các mục tiêu MDG có thể đạt được vào năm 2015- nhưng với điều kiện tất cả chúng ta cùng tham gia thay đổi cách làm thông thường và ngay từ bây giờ đẩy mạnh triệt để và mở rộng qui mô các hoạt động”. Một số các nước nghèo nhất thế giới, bao gồm Bangladesh, Uganda và Việt Nam, đã chứng tỏ việc tiến bộ nhanh là hoàn toàn có thể. Nhưng các nước giàu cần giúp đỡ để đáp ứng được các chi phí khởi động cho sự cất cánh của quá trình phát triển con người toàn cầu.

Trong khi các Chính phủ đang chuẩn bị cho Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc năm 2005, các định hướng cho 2015 sẽ cho một lời cảnh báo rõ ràng. Nói một cách thô thiển, thế giới đang đi vào một thảm họa về phát triển con người mà tổn thất nó gây ra có thể kể đến những cái chết không tránh khỏi, trẻ em bị thất học và mất cơ hội để giảm đói nghèo. Thảm họa này là có thể tránh được vì nó là điều được tiên đoán trước. Nếu các Chính phủ nghiêm túc đối với các cam kết của mình về thực hiện các mục tiêu MDG thì họ sẽ lựa chọn sự thay đổi cách thức làm việc thông thường từ trước đến nay. Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc năm 2005 sẽ là một cơ hội để vạch ra lộ trình mới cho mười năm trước mắt.



Tại sao cần quan tâm đến vấn đề bất bình đẳng

Các bất cập trong phát triển con người tại các nước cũng không kém gì các bất cập giữa các nước với nhau (Hình 3). Những bất cập này phản ánh cơ hội bất bình đẳng- con người không dám tiến vì giới tính, thuộc nhóm, tài sản hoặc vị trí sinh sống của mình. Các bất bình đẳng đó là không công bằng. Chúng còn làm lãng phí về kinh tế và gây mất ổn định xã hội. Sự khắc phục các lực lượng tạo ra và làm rối sự mất bình đẳng trầm trọng là một cách để khắc phục đói nghèo cùng cực, củng cố các phúc lợi xã hội và đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu MDG.

Bản thân các mục tiêu MDG là một tuyên bố sống động của mục đích quốc tế dựa trên các cam kết đối với các quyền cơ bản của con người. Những quyền này, bao gồm quyền được học hành, được bình đẳng giới, quyền sinh tồn trong giai đoạn niên thiếu và quyền có mức sống sung sướng- về bản chất là các quyền chung của tất cả. Vì lý do đó, sự tiến bộ trong thực hiện các mục tiêu MDG là để phục vụ cho tất cả mọi người, bất kể thu nhập gia đình của họ là bao nhiêu, họ thuộc giới tính nào hoặc họ sinh sống ở đâu. Tuy nhiên các Chính phủ đo sự tiến bộ trên cơ sở tham chiếu với các mức trung bình của quốc gia. Các mức trung bình này có thể chứa ẩn các bất bình đẳng sâu sắc trong tiến bộ dựa trên các khoảng cách về sự giàu có, giới, thuộc nhóm và nhiều yếu tố khác.

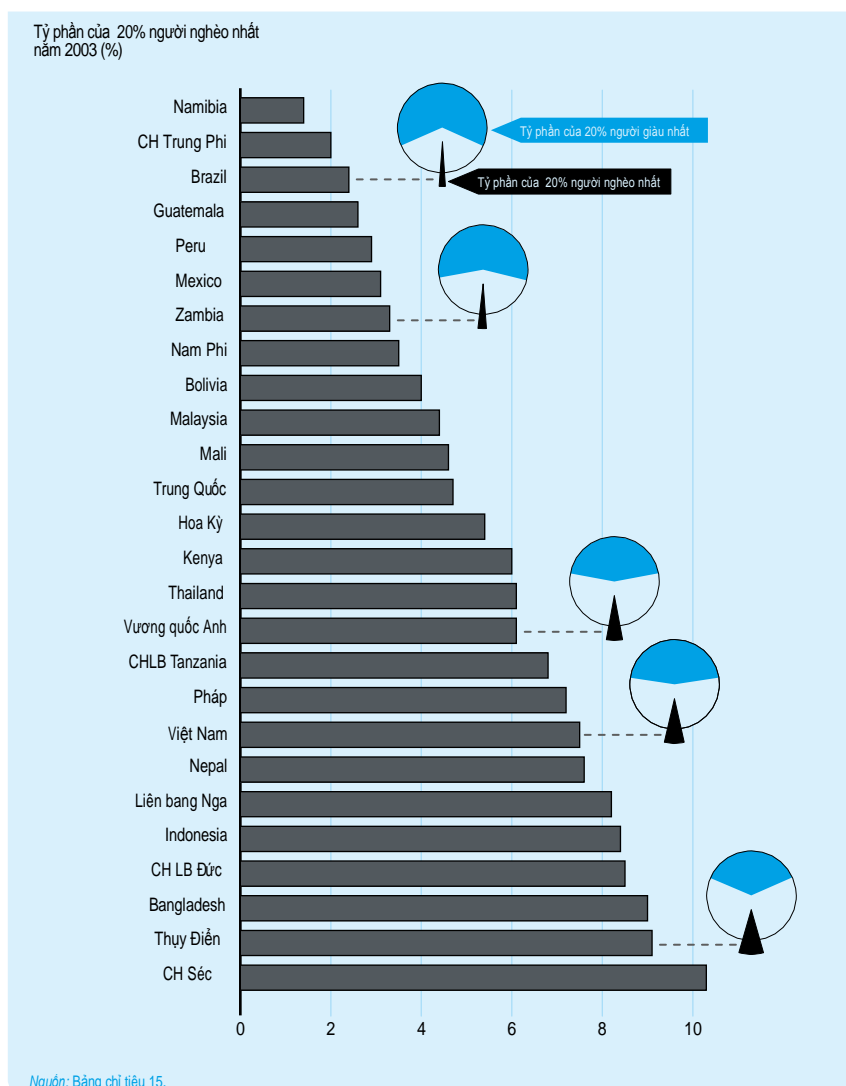
Như đã nêu trong Báo cáo, việc thất bại trong đấu tranh chống bất bình đẳng trầm trọng sẽ là guốc hãm tiến độ thực hiện các mục tiêu MDG. Những người nghèo và người thiệt thòi đang bị bỏ lại sau rất nhiều mục tiêu MDG. Sự phân tích trong toàn bộ quốc gia cho thấy tỷ lệ tử vong ở trẻ em trong những người nghèo nhất, chiếm 20% số dân, đang giảm dưới một nửa so với trung bình thế giới. Vì những người nghèo nhất chiếm 20% dân số có tỷ lệ trẻ tử vong lớn nên nó làm chậm lại tốc độ tiến bộ chung trong thực hiện các mục tiêu MDG. Nếu tạo ra được các điều kiện để những người nghèo nhất có thể đuổi kịp các bước tiến của phát triển con người toàn diện thì nó sẽ là một động lực mới, năng động cho các mục tiêu MDG. Điều đó cũng giải quyết được nguyên nhân gây ra bất công xã hội (Khung số 4).

Sự bất bình đẳng đa tầng và trói buộc lẫn nhau đang tạo ra bất lợi cho con người trong suốt cuộc đời của họ. Bất bình đẳng trong thu nhập đang tăng lên ở các nước chiếm hơn 80% dân số thế giới. Sự bất bình đẳng này cần sự quan tâm bởi vì nó có mối quan hệ giữa các mô hình phân phối và mức độ đói nghèo. Thu nhập trung bình cao gấp ba lần so sánh giữa nơi có bất bình đẳng cao và thu nhập trung bình như ở Brazil với nơi có bất bình đẳng thấp và thu nhập thấp như ở Việt Nam. Thậm chí thu nhập của 10% người nghèo nhất ở Brazil còn thấp hơn thu nhập của 10% người nghèo nhất ở Việt Nam. Các mức bất bình đẳng cao trong thu nhập là điều không tốt đối với tăng trưởng và chúng làm giảm tỷ lệ tăng trưởng giành cho công tác xóa nghèo: chúng làm giảm phần đóng góp của kinh tế giành cho người nghèo.

Các bất bình đẳng trong thu nhập có liên quan đến các bất bình đẳng trong cơ hội cuộc sống khác. Sinh ra trong một gia đình nghèo sẽ ít có các cơ hội sống, trong một số trường hợp nó còn có nghĩa xấu hơn. Trẻ con sinh ra trong các gia đình nghèo trong 20% số gia đình nghèo ở Ghana hay Senegal có tỷ lệ tử vong trước 5 tuổi lớn gấp 2 đến 3 lần so với trẻ sinh ra ở các gia đình giàu có trong 20% số gia đình giàu (Hình 5).

Các bất lợi theo đuổi con người suốt cuộc đời. Những phụ nữ nghèo dường như ít được học hành và ít nhận được sự chăm sóc khi mang thai. Con cái của họ cũng ít được sống và được học hành đến nơi đến chốn, điều này làm trầm trọng thêm chu kỳ của sự bần hàn chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các bất bình đẳng cơ bản về cơ hội sống không chỉ giới hạn cho các nước nghèo. Các kết quả về Y tế ở Hoa Kỳ, một quốc gia giàu nhất thế giới, đang phản ánh các bất bình đẳng sâu sắc dựa trên sự giàu có và chủng tộc (Khung số 5). Sự chênh lệch trong khu vực cũng là nguyên nhân khác của sự bất bình đẳng. Những sai lầm của Phát triển con người làm ngăn cách giữa nông thôn và thành thị, người giàu và người nghèo và giữa các vùng giàu nghèo trong cùng một đất nước. Ở Mexico tỷ lệ mù chữ tại một số bang cũng có thể so với con số ở các nước có thu nhập cao. Tại các thị trấn nông thôn thổ dân của vùng vành đai nghèo phía Nam như ở Guerrero, tỷ lệ phụ nữ mù chữ cũng xấp xỉ bằng với ở Mali.

Hình 4 – Phân bố thu nhập



Vấn đề giới là một trong những điểm yếu kém của thế giới. Đặc biệt là trường hợp của khu vực Nam Á. Số đông những phụ nữ bị mất tích ở khu vực này là một bằng chứng cho quy mô của vấn đề trên. Sự bất lợi bắt đầu từ lúc con người sinh ra. Ở Ấn Độ, tỷ lệ tử vong của trẻ em gái ở độ tuổi từ 1 đến 5 cao hơn 50% so với trẻ em trai. Điển tả một cách khác, hàng năm có 130.000 sinh mạng trẻ em bị mất đi do sự bất lợi liên quan đến việc được sinh ra với hai nhiễm sắc thể X. Ở Pakistan sự bình đẳng giới trong việc đến trường đã cho phép hơn 2 triệu bé gái cơ hội được học hành.

Việc giảm bất bình đẳng trong phân phối các cơ hội để phát triển con người là một ưu tiên của chính sách công trong khuôn khổ quyền hạn của chính sách. Vấn đề này cần được quan tâm vì các lý do bên trong của nó. Nó cũng là công cụ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu MDG. Việc thu hẹp khoảng cách về tử vong ở trẻ em giữa 20% người giàu và 20% người nghèo sẽ làm giảm hai phần ba tỷ lệ tử vong của trẻ em. Có nghĩa là cứu được hơn 6 triệu sinh mạng mỗi năm – và đưa thế giới trở lại đúng quỹ đạo để đạt được các mục tiêu MDG là giảm 2/3 tỷ lệ tử vong ở trẻ em.

Khung số 4 – Tăng trưởng tiến bộ và tăng trưởng vì người nghèo

Giống như bà mẹ với một cái bánh, ai cũng mong muốn “tăng trưởng vì người nghèo”. Khái niệm này đang ngày càng phổ biến và gần đây xuất hiện cách nói khác “cùng tăng trưởng” cho thấy vấn đề giảm nghèo cần phải được xem xét trên tác động của hai yếu tố, chất lượng và khối lượng của tăng trưởng. Nhưng khái niệm này được hiểu rất khác nhau đối với những người khác nhau. Ngân hàng thế giới và các tổ chức phát triển quốc tế thiên về một định nghĩa tuyệt đối về tăng trưởng vì người nghèo. Điều đáng quan tâm trong định nghĩa này là ở chỗ không phải thu nhập của người nghèo đang tăng lên so với thu nhập trung bình mà là nó tăng với tốc độ nào. Tăng trưởng vì người nghèo theo định nghĩa này vẫn tồn tại với sự tăng bất bình đẳng, đặc biệt ở các nước đã được đánh dấu là có các bất bình đẳng trầm trọng.

Định nghĩa có tính tiến bộ về tăng trưởng vì người nghèo trong bản Báo cáo này tập trung vào địa vị tương đối của dân nghèo. Nó nêu ra các tiềm năng của việc thay đổi phân phối nhỏ cũng tạo ra được các kết quả lớn để giảm đói nghèo.

Những sự khác biệt nói trên chỉ là ngữ nghĩa hay là chúng có sự liên quan trực tiếp tới vấn đề phát triển con người? Cho dù sự khác nhau đó có bị cường điệu các bên khi tranh luận đều thiên về phải đẩy nhanh tốc độ giảm đói nghèo. Ngoài ra, không có ai phản đối rằng có ít bình đẳng sẽ là điều thuận lợi cho công tác giảm đói nghèo. Nếu được như vậy, Bê-nanx còn là nước có mức tăng trưởng thấp nhưng cũng có mức bất bình đẳng thấp (theo hệ số Gini là vào khoảng 36 trong suốt thập niên 90), vượt qua cả Trung Quốc. Tuy nhiên hiện nay có hai vấn đề quan trọng có liên quan đến sự cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập. Vấn đề thứ nhất là công bằng xã hội. Trong định nghĩa tuyệt đối, sự tăng trưởng với phân phối thu nhập quân bình được cho là vì người nghèo, nghĩa là bất kỳ có mức tăng nào của sự tăng trưởng thì có thu nhập cho người nghèo có thể được coi như là vì người nghèo. Với ý tưởng này thật khó có thể tính được sự công bằng xã hội. Nếu mọi người ở Brazil cùng tăng trưởng thu nhập theo mô hình hiện tại thì 20% người giàu nhất sẽ nhận 85 cent trong mỗi một đô la, còn 20% người nghèo nhất chỉ nhận có 3 cent. Tất cả mọi người, kể cả người nghèo đều khá giả lên và như vậy sự tăng trưởng được coi là vì người nghèo. Nhưng nếu chúng ta cho điểm về sự hạnh phúc của dân nghèo thì mô hình phân phối này lại không gắn với các nguyên tắc cơ bản của bình đẳng và công bằng xã hội.

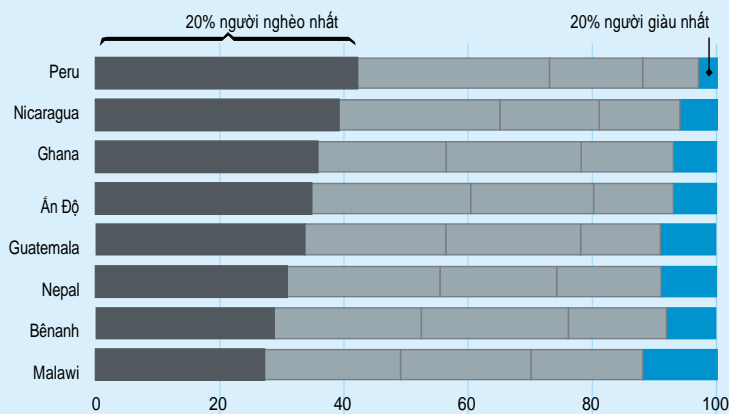
Vấn đề quan ngại thứ hai là sự chuyển hoá từ tăng trưởng sang công việc giảm đói nghèo. Nếu chúng ta tối đa hoá tác động của tăng trưởng đối với giảm đói nghèo, việc này lại làm nảy sinh vấn đề về phân phối thu nhập. Nếu mọi thứ đều được bình đẳng thì khi phân tăng trưởng người nghèo nhận được càng cao sẽ càng làm cho tốc độ giảm đói nghèo nhanh thêm. Việc tăng phần thu nhập thêm của họ do tăng trưởng tăng lên có thể sẽ đẩy nhanh tốc độ phần vinh và giảm sự đói nghèo đồng thời cũng làm tăng tốc độ tăng trưởng chung.

Cách tiếp cận tăng trưởng tiến bộ chú trọng vào các bất bình đẳng về cơ cấu đã không tạo cơ hội cho người nghèo và các nhóm người bên lề xã hội để họ tham gia và góp phần vào sự tăng trưởng một cách công bằng hơn. Để làm được điều đó, cần đưa vấn đề phân phối lại đi đôi với tăng trưởng thành vấn đề trung tâm của chương trình nghị sự trong các chính sách giảm nghèo.

Sự phân phối thu nhập công bằng hơn sẽ là chất xúc tác mạnh mẽ để đẩy mạnh công cuộc giảm nghèo. Chúng ta sử dụng các kết quả điều tra về thu nhập và chi tiêu để nhấn mạnh tác động của một mô hình tăng trưởng theo đó người dân nghèo có được gấp đôi các khoản tăng trưởng trong tương lai so với phần thu nhập của quốc gia hiện tại. Đối với Brazil, mô hình tăng trưởng vì người nghèo này đã rút ngắn thời hạn giảm một nửa sự đói nghèo vào khoảng 19 năm., đối với Kenya là 17 năm. Kết luận lại, khi chúng ta đề cập đến vấn đề giảm nghèo trong thu nhập, ta cần quan tâm đến hai vấn đề là phân phối và tăng trưởng. Kết luận này có nhiều ý nghĩa ngang nhau đối với các nước có thu nhập thấp và các nước có thu nhập trung bình. Nếu không có cải thiện trong phân phối, các nước Tiểu Sa mạc Sahara của Châu Phi sẽ phải có tốc độ tăng trưởng rất cao để giảm được một nửa sự đói nghèo vào năm 2015. Có thể nói thêm rằng một sự bày tỏ cam kết nhằm giảm bất bình đẳng là một phần của chiến lược giảm nghèo mở rộng sẽ tăng cường sự viện trợ của công chúng ở các nước tài trợ.

Hình 5

Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi tính theo mức giàu có (%)



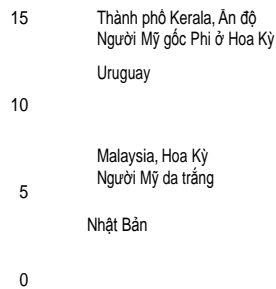
Khung số 5 - Bất bình đẳng và vấn đề sức khỏe ở Hoa Kỳ

Hoa Kỳ đứng đầu thế giới về vấn đề chi phí cho sức khỏe. Trên mỗi đầu người, Hoa Kỳ chi gấp đôi so với mức chi trung bình của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế cho chăm sóc sức khỏe, hay nói cách khác các chi phí đó chiếm 13% thu nhập của quốc gia. Thậm chí các nước có chi phí thấp hơn nhiều so với Hoa Kỳ nhưng nhân dân nước họ lại có sức khỏe tốt hơn.

Các chỉ số về Y tế công của Hoa Kỳ thấp hơn rất nhiều so với các tính toán dựa trên sự giàu có của quốc gia, Đặc biệt là xu hướng tử vong ở trẻ em đang trở thành một vấn đề. Từ năm 2000, đã có sự tăng trở lại của tỷ lệ này sau 50 năm duy trì ổn định được sự giảm. Tỷ lệ tử vong trẻ em ở Hoa Kỳ hiện nay là cao nhất so với rất nhiều nước công nghiệp phát triển khác. Malaysia là một nước có thu nhập trung bình chỉ bằng ¼ thu nhập của Hoa Kỳ cũng đã đạt được mức tỷ lệ tử vong trẻ em ngang bằng mức của Hoa Kỳ (Hình 1). Và bang Kerala của Ấn Độ có tỷ lệ tử vong của trẻ em ở đô thị thấp hơn so với tỷ lệ này của những người Mỹ gốc Phi sống tại Washington DC.

Hình 1

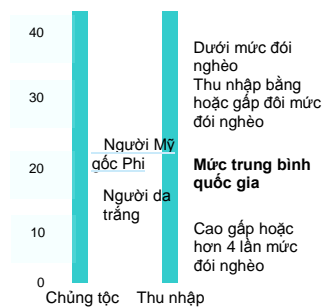
Tỷ lệ tử vong trẻ em năm 2003
(số tử vong trên 1,000 lần sinh)



Nguồn: Số liệu của Ấn Độ, IIPS và ORC Macro 2000; Số liệu của Hoa Kỳ, Hiệp hội gia đình Henry Kaiser 2005; các số liệu quốc gia, bảng chỉ tiêu 10.

Hình 2 Bảo hiểm Y tế, đói nghèo và chủng tộc ở Hoa Kỳ

Tỷ lệ dân không có bảo hiểm Y tế (%)



Nguồn: Hiệp hội gia đình Henry Kaiser 2005

Sự khác biệt lớn về sức khỏe giữa những nhóm người đã giải thích một phần tình trạng sức khỏe ở Hoa Kỳ kém hơn ở các nước công nghiệp khác. Từ khi sinh ra đến lúc qua đời, tình hình sức khỏe của người dân Hoa Kỳ đã cho thấy đã có sự chênh lệch trầm trọng. Lấy ví dụ, sự khác biệt về sức khỏe theo sắc tộc và màu da vẫn còn dai dẳng, đó là kết quả của sự khác nhau trong chế độ bảo hiểm, thu nhập, ngôn ngữ và giáo dục và do nhiều nguyên nhân khác (Hình 2). Số bà mẹ người Mỹ gốc Phi sinh con nhẹ cân lớn gấp đôi so với số bà mẹ da trắng. Con cái của họ chết trước một tuổi cũng nhiều hơn gấp hai lần. Các bất bình đẳng về thu nhập có liên quan trực tiếp tới các khác biệt trong sức khỏe. Một đứa bé sinh ra trong một gia đình thuộc nhóm 5% có thu nhập cao nhất ở Hoa Kỳ sẽ được hưởng tuổi thọ dài hơn 25% so với tuổi thọ của một em bé sinh ra trong một gia đình thuộc nhóm 5% có thu nhập thấp nhất. Rất nhiều yếu tố tác động tới bất bình đẳng trong sức khỏe. Hoa Kỳ là nước giàu có duy nhất không có hệ thống bảo hiểm Y tế chung. Sự pha trộn giữa bảo hiểm tư nhân dựa vào người chủ thuê việc với hệ thống bảo hiểm công cộng không bao giờ hy vọng đưa được bảo hiểm tới tất cả mọi người dân Mỹ. Trong khi hơn ½ số dân được bảo hiểm y tế trong qua người chủ thuê việc của mình thì hầu hết những người cao tuổi được bảo hiểm thông qua Quỹ chăm sóc Y tế Medicare. Một trong sáu người trẻ (khoảng 45 triệu) chưa có bảo hiểm Y tế vào năm 2003. Trên một phần ba (36%) số gia đình hiện đang sống dưới ngưỡng nghèo không được bảo hiểm. Những người Mỹ gốc La-tinh (34%) không được bảo hiểm gấp hai lần so với người Mỹ da trắng (13%) và 21% người Mỹ gốc Phi không có bảo hiểm. Diện che phủ bảo hiểm rất khác nhau giữa 50 Bang phụ thuộc vào sự đóng góp của các gia đình có thu nhập thấp, bản chất của việc làm và sức vươn của chương trình Y tế của mỗi Bang đối với người dân có thu nhập thấp.

Chi phí của điều trị cũng là rào cản lớn ở Hoa Kỳ so với ở các nước công nghiệp lớn khác . Trên 40% những người không có bảo hiểm không có chỗ khám chữa thường xuyên khi họ bị ốm, và hơn hai phần ba nói rằng họ hoặc những người trong gia đình trong năm qua không có chăm sóc sức khỏe cần thiết, kể cả các khám bệnh để kê đơn thuốc vì lý do chi phí. Sự tiếp cận bất bình đẳng tới dịch vụ chăm sóc sức khỏe rõ ràng có liên đới tới vấn đề kết quả sức khỏe. Những người không được bảo hiểm dường như không có được chăm sóc thường xuyên khi chưa có bệnh, vì thế họ rất dễ phải nhập viện đối với các căn bệnh có thể tránh được. Khi nằm trong bệnh viện, họ nhận được rất ít các dịch vụ và dễ bị tử vong hơn so với các bệnh nhân có bảo hiểm. Họ cũng nhận được ít sự chăm sóc dự phòng. Viện Y học tính toán rằng tối thiểu có 18.000 người Mỹ chết sớm mỗi năm chỉ vì họ chưa có bảo hiểm y tế. Sinh ra trong một gia đình không có bảo hiểm cũng làm tăng khả năng tử vong trước 1 tuổi khoảng 50%.

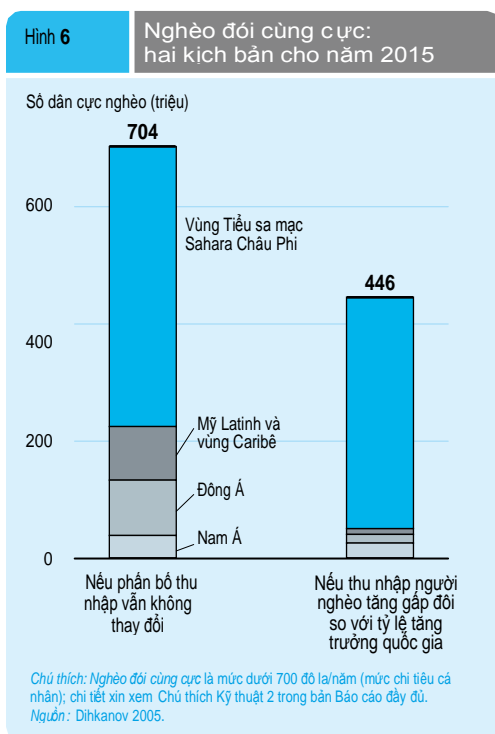
Sự tiếp cận không bình đẳng tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có ảnh hưởng mạnh mẽ tới bất bình đẳng về sức khỏe gắn với vấn đề chủng tộc mà nó không chỉ một phần được giải thích bằng các bất bình đẳng về thu nhập và trong bảo hiểm. Một nghiên cứu cho thấy nếu loại bỏ được bất cập về chăm sóc sức khỏe giữa người da trắng và người Mỹ gốc Phi thì mỗi năm có thể cứu được 85.000 sinh mạng. Để đưa con số này vào bức tranh tổng thể, các tiến bộ kỹ thuật trong Y học đang cứu được 20,000 người mỗi năm.

Việc so sánh trên chỉ ra một nghịch lý trong lòng của hệ thống y tế Hoa Kỳ. Các mức cao trong chi phí chăm sóc sức khỏe con người phản ánh trình độ cao của công nghệ y tế của đất nước và chữa bệnh. Chính các bất bình đẳng xã hội tác động cùng các bất bình đẳng trong tài chính cho y tế đang làm hạn chế tiến bộ của ngành y.

Việc mở rộng áp dụng mô phỏng các mô hình phân phối thu nhập toàn cầu sẽ mang lại các lợi ích tiềm năng về giảm bất bình đẳng đối với công việc giảm nghèo toàn cầu. Khi sử dụng mô hình nói trên chúng ta đặt câu hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu người dân có mức thu nhập dưới 1 đô la/ngày sẽ được gấp đôi phần thu nhập của tăng trưởng trong tương lai. Câu trả lời là: sẽ giảm 1/3 hay 258 triệu người sống với thu nhập dưới 1 đô la/ngày vào năm 2015 (Hình 6).

Các bài tập mô phỏng nói trên cho thấy các kết quả thu được là hoàn toàn có thể. Để làm việc ra được các kết quả này cần có các phương hướng mới trong các chính sách công. Chúng ta cũng cần chú trọng nhiều hơn vào việc cải thiện nguồn lực sẵn sàng, sự truy cập và khả năng đáp ứng của các dịch vụ công nhằm nâng cao khoản thụ hưởng của người nghèo từ tăng trưởng. Không có một cảm nang nào cho việc cải thiện kết quả của phân phối thu nhập. Đối với nhiều quốc gia, đặc biệt ở vùng Tiểu Sa mạc Sahara của Châu Phi, cần có các biện pháp cởi trói cho tiềm năng sản xuất của các tiểu nông ở các vùng nông thôn. Nói chung, giáo dục là một trong các chìa khoá để đạt được sự bình đẳng lớn hơn. Chính sách tài chính trong quá trình chuyển đổi xã hội, chỗ dựa cho sự an ninh và trang bị tài sản cần thiết cho người nghèo thoát nghèo cũng là một vấn đề sống còn.

Không có điều nào nói trên có hàm ý cho rằng việc đạt được sự bình đẳng lớn hơn trong phát triển con người là dễ dàng. Sự bất bình đẳng trầm trọng có gốc rễ từ các cấu trúc quyền lực làm hạn chế cơ hội thị trường của dân nghèo, hạn chế sự tiếp cận của họ đối với các dịch vụ và điều quan trọng là ngăn cản tiếng nói chính trị của họ. Những thái độ chính trị như vậy thật là tồi tệ đối với phát triển dựa trên thị trường và sự ổn định chính trị- và là một rào cản đối với việc thực hiện các mục tiêu MDG.



Viện trợ quốc tế - cần tăng về khối lượng và nâng cao chất lượng

Viện trợ quốc tế là một trong các vũ khí hiệu quả nhất trong cuộc chiến chống lại đói nghèo. Ngày nay vũ khí đó còn chưa được sử dụng đầy đủ, mục tiêu ngắm tới chưa hiệu quả và cần được sửa chữa. Đổi mới hệ thống viện trợ quốc tế là một yêu cầu cơ bản để đưa trở lại quỹ đạo của các mục tiêu MDG.

Đôi khi viện trợ chỉ được nghĩ về các nước giàu như một hành động từ thiện một chiều. Quan điểm này là sai lầm. Trong một thế giới có các đe dọa và cơ hội phụ thuộc lẫn nhau, viện trợ vừa là sự đầu tư vừa là một sự thể hiện về đạo đức- một việc đầu tư cho sự phồn thịnh chung, cho nền an ninh tập thể và cho một tương lai chung. Nếu ngày hôm nay không có đầu tư đầy đủ sẽ gây ra các tổn kém cho tương lai.

Trợ giúp phát triển là trung tâm của sự hợp tác mới vì mục đích phát triển như đã nêu trong Tuyên bố Thiên niên kỷ. Trong bất kỳ sự hợp tác nào cũnừn các trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hai phía. Các nước đang phát triển có trách nhiệm tạo ra một môi trường qua đó viện trợ có thể đạt được các kết quả tối ưu. Về phần mình, các nước giàu có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết của mình.

Có ba điều kiện để viện trợ có hiệu quả. Thứ nhất, viện trợ phải được cung cấp đủ về khối lượng để hỗ trợ cho công việc phát triển con người cất cánh. Viện trợ cung cấp cho các Chính phủ nguồn lực để có nhiều đầu tư trong y tế, giáo dục và xây dựng hạ tầng kinh tế cần thiết cho việc phá vỡ chu kỳ bần hàn và hỗ trợ cho công cuộc tái thiết đất nước, và các nguồn lực cần được phù hợp với mức độ bắt cập về tài chính. Thứ hai, viện trợ cần phải được thực hiện trên cơ sở hiệu quả đồng tiền với một chi phí giao dịch thấp và đoán trước được. Thứ ba, việc trợ hiệu quả đòi hỏi “tính làm chủ của quốc gia nhận tài trợ”. Các nước đang phát triển có trách nhiệm chính trong việc tạo dựng các điều kiện để qua đó viện trợ có thể đạt được các kết quả tối ưu. Trong khi có những tiến bộ trong việc tăng khối lượng và nâng cao chất lượng viện trợ, chưa có các điều kiện nào nói trên được đáp ứng.

Khi bản Tuyên bố Thiên niên kỷ được ký, lúc đó cốc nước viện trợ vẫn còn $\frac{3}{4}$ chưa đầy và bị rò rỉ. Trong các năm 90 của Thế kỷ trước các khoản ngân sách dành cho tài trợ bị cắt giảm nghiêm trọng, với sự trợ giúp trên đầu người vùng Tiểu Sa mạc Sahara của Châu Phi giảm khoảng 1/3. Ngày nay tài chính cho cốc nước viện trợ đã đầy một nửa (Hình 7). Hội nghị Monterrey năm 2001 về tài trợ cho phát triển đã đánh dấu sự khởi đầu của sự phục hồi của viện trợ. Từ đó đến nay, viện trợ đã tăng khoảng 4% một năm theo giá trị thực, vào khoảng 12 tỷ đô la (theo giá trị đô la năm 2003). Các nước giàu tổng thể hiện nay đã chi 0,25% tổng thu nhập quốc gia (GNI) cho viện trợ, thấp hơn năm 1990 nhưng có xu hướng tăng lên từ 1997. Sự cam kết của Liên minh Châu Âu đạt mức 0,51% vào năm 2010 quả là đáng đặc biệt khích lệ.

Tuy nhiên, thậm chí các khoản tăng viện trợ dự kiến có được cung cấp đầy đủ, vẫn còn sự thiếu hụt lớn để đạt được các mục tiêu MDG. Sự thiếu hụt đó sẽ tăng từ 46 tỷ đô la vào năm 2006 đến 52 tỷ đô la vào năm 2010. Sự bắt cập về tài chính đặc biệt lớn đối với khu Tiểu Sahara của Châu Phi – nơi mà các dòng viện trợ cần phải tăng gấp đôi trong 5 năm tới để đáp ứng được các chi phí cho việc thực hiện được mục tiêu MDG. Nếu không giải quyết được bắt cập tài chính nói trên thông qua việc tăng dần viện trợ thì điều đó sẽ ngăn cản các chính phủ có các đầu tư cho Y tế, giáo dục và xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc cải thiện phúc lợi và hỗ trợ khôi phục kinh tế trên quy mô cần thiết để đạt được các mục tiêu MDG.

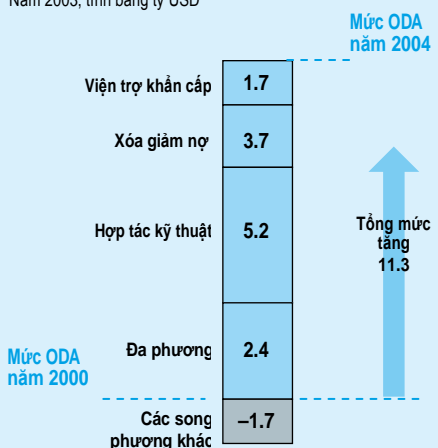
Mặc dù các nước giàu công khai thừa nhận tầm quan trọng của viện trợ nhưng hành động của họ còn cách xa so với những lời cam kết. Nhóm G-8 gồm 3 nước là Ý, Hoa Kỳ và Nhật Bản có đóng góp thấp nhất vào viện trợ từ GNI trong số 22 nước thành viên Ủy ban trợ giúp phát triển thuộc tổ chức OECD. Có điều ghi nhận tích cực với Hoa Kỳ, nước tài trợ lớn nhất thế giới đã tăng viện trợ khoảng 8 tỷ đô la từ năm 2000 và hiện nay là nước tài trợ lớn nhất thế giới cho vùng Tiểu sa mạc Sahara của Châu Phi. Việc đề ra nhiều mục tiêu tham vọng là một nét phát triển đáng hoan nghênh. Tuy nhiên các nhà tài trợ không có một thành tích tốt trong thực hiện các mục tiêu của tài trợ, và một số nhà tài trợ lớn đã không chuyển hoá từ các mục tiêu đặt ra thành các cam kết ngân sách cụ thể (Khung số 6). 10 năm tới đây sẽ phải đánh dấu một sự chuyển biến nổi bật so với 15 năm trước đây nếu chúng ta mong muốn đạt được các mục tiêu MDG. Từ năm 1990 sự tăng trưởng phồn thịnh ở các nước giàu không được nhiều để tăng tính rộng lượng trong trợ giúp: thu nhập trên đầu người đã tăng khoảng 6070 đô la trong khi viện trợ trên đầu người giảm 1 đô la. Những con số này cho ta thấy người thắng cuộc trong quá trình toàn cầu hoá không có ưu tiên giúp đỡ những người thua cuộc, thậm chí họ có thể còn có lợi khi làm việc đó.

Việc thiếu tài chính kinh niên cho công tác viện trợ phản ánh các ưu tiên xiên lệch trong chi tiêu công. Nền an ninh tập thể ngày càng phụ thuộc vào việc giải quyết các nguyên nhân chủ yếu của đói nghèo và bất bình đẳng. Thậm chí các nước giàu đã dành cứ 1 đô la cho viện trợ thì họ đã chi 10 đô la cho quân sự (Bảng số 1). Nếu chỉ dành các khoản tăng cho chi phí quân sự từ năm 2000 cho công tác viện trợ thì đó cũng đủ để đạt được các mục tiêu lâu dài của Liên hợp quốc là dành 0,7% của GNI cho viện trợ. Nếu không nhìn vấn đề an ninh quân sự gắn với an ninh con người thì sẽ không có đủ các khoản đầu tư để giải quyết các mối đe dọa lớn đối với cuộc sống của con

người. Mức chi hiện tại cho HIV/AIDS, một căn bệnh đã cướp đi 3 triệu sinh mạng một năm, mới chỉ bằng giá trị chi tiêu cho quân sự trong ba ngày.

Hình 7 Thành phần của tăng viện trợ

Năm 2003, tính bằng tỷ USD



Nguồn: OECD/DAC 2005f.

Các câu hỏi đôi khi được đặt ra là liệu có đủ tài chính để đạt được các mục tiêu MDG. Suy cho cùng, việc có chịu được hay không là vấn đề của các ưu tiên chính trị. Nhưng vẫn cần các khoản đầu tư tối thiểu theo mức độ giàu có của các nước giàu. Hàng năm cần 7 tỷ đô la trong vòng 10 năm tới để giúp 2,6 tỷ người dân tiếp cận được với nước sạch, số tiền này ít hơn chi phí của người dân Châu Âu dành để mua nước hoa và ít hơn con số mà người dân Hoa Kỳ dành cho việc phẫu thuật thẩm mỹ. Số tiền này là khoản đầu tư có thể cứu được khoảng 4000 sinh mạng mỗi ngày.

Khung số 6 - Từ Hội nghị Thượng đỉnh G-8 đến Đại hội đồng LHQ- hãy hành động tiếp theo lời nói.

Các cuộc họp thượng đỉnh của Nhóm các nước G-8 có nhiều kỷ lục trước đây về các lời hứa cao thượng nhưng đã bị nhanh chóng đổ vỡ, đặc biệt lời hứa với các nước nghèo nhất thế giới. Liệu có gì thay đổi sau Hội nghị Thượng đỉnh năm 2005 tại Gleneagle, Scotland? Bản Thông cáo G-8 đưa ra các cam kết quan trọng. Lời hứa sẽ tăng viện trợ khoảng 50 tỷ USD cao hơn mức của năm 2004 với nửa số tăng đó sẽ dành cho vùng Tiểu sa mạc Sahara của Châu Phi có thể giúp thu hẹp đáng kể khó khăn về tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu MDG. Hơn thế nữa, lần đầu tiên Lãnh đạo các nước G-8 đã cùng ký vào một bản Thông cáo với các mục tiêu cụ thể theo đó có thể giảm thiểu được các rủi ro về tái phạm không thực hiện.

Nhìn về phía trước, ta thấy có ba thách thức đối với viện trợ. Thứ nhất, các nhà Lãnh đạo G-8 cần phải giữ đúng lời hứa của họ. Thực tế có nguy hiểm là tối thiểu có hai thành viên của Liên minh Châu Âu là Đức và Ý không đưa các cam kết của Hội nghị Thượng đỉnh G-8 vào các kế hoạch chi tiêu công của mình. Thứ hai, một số nước còn phải tiếp tục cam kết cao hơn nữa. Thậm chí đã có tăng mức viện trợ từ phía Nhật Bản và Hoa Kỳ thì chỉ mới có 0,18% GNI được giành cho viện trợ vào năm 2010 (đẩy họ xuống hàng cuối của bảng viện trợ của OECD), và Canada là nước cũng có viện trợ dưới mức thực hiện. Thứ ba, điều quan trọng là một khoản của cam kết tăng viện trợ được giải ngân trước, không phải trong 5 năm tới.

Ngoài vấn đề viện trợ, bản Thông cáo của G-8 đã nhận được nhiều ý kiến. Sự cam kết đối với giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí, khám chữa bệnh cơ bản không mất tiền và “tiền gần nhất có thể tới các dịch vụ chung” để chữa trị HIV/AIDS có thể sẽ đẩy nhanh tiến trình đạt được các mục tiêu MDG. Cũng tương tự đối với lời cam kết về đào tạo và trang bị cho khoảng 75.000 binh sỹ của các lực lượng gìn giữ hoà bình thuộc liên minh Châu Phi vào năm 2010 (xem Chương 5). Ngược lại, về mặt thương mại, bản Thông cáo của G-8 không để lại ấn tượng gì. Sự cam kết chung chung về giảm dần các trợ cấp cho xuất khẩu nông nghiệp trong một khung thời gian không xác định sẽ làm nản lòng những người nông dân Châu Phi.

Hai yếu tố quan trọng để thúc ép hội nghị ở Gleneagle có sự khác biệt là: lãnh đạo chính trị và thời điểm chính trị do chiến dịch toàn cầu và dư luận của công chúng tạo ra. Các yếu tố này cũng cần phải có nếu hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc vào tháng 9/2005 được củng cố và dựa trên các thành tích đã đạt được.

Nguồn: G-8 2005.

Bảng 1

Chi phí cho quân sự làm giảm nguồn ODA tại các nước giàu

Tỷ lệ chi tiêu công năm 2003 (%)

Nước	ODA	Chi phí quân sự
Australia	1.4	10.7
Áo	1.1	4.3
Bỉ	2.7	5.7
Canada	1.2	6.3
Đan Mạch	3.1	5.7
Phần Lan	1.6	5.4
Pháp	1.7	10.7
Đức	1.4	7.3
Hy Lạp	1.4	26.5
Ái-len	2.1	4.6
Ý	0.9	9.8
Nhật Bản	1.2	5.7
Luxembourg	3.9	4.8
Hà Lan	3.2	6.5
New Zealand	1.2	6.3
Na-uy	4.1	8.9
Bồ Đào Nha	1.0	10.0
Tây Ban Nha	1.3	6.7
Thụy Điển	2.8	6.4
Thụy Sĩ	3.5	8.5
Vương quốc Anh	1.6	13.3
Hoa Kỳ	1.0	25.0

Nguồn: được tính trên cơ sở số liệu ODA của OECD/DAC 2005f, số liệu về chi tiêu quân sự lấy từ bảng chi tiêu 20 và số liệu về chi tiêu công của World Bank 2005f.

Các nhà tài trợ đã ghi nhận tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng viện trợ. Vào tháng 3 năm 2005 tuyên bố Paris về tính hiệu quả của viện trợ đã đề ra các nguyên tắc quan trọng cho các nhà tài trợ để nâng cao hiệu quả của viện trợ, cùng với các mục tiêu nhằm theo dõi tiến độ thực hiện các quy định mới. Công tác điều phối viện trợ đã được cải thiện, ít sử dụng hình thức viện trợ có điều kiện, và nhấn mạnh nhiều hơn vào tính làm chủ của nước nhận viện trợ. Nhưng các điển hình tốt còn quá ít so với nguyên tắc đã

tuyên bố. Việc cung cấp viện trợ còn xa so với các cam kết làm không thực hiện được kế hoạch tài chính cho công tác giảm nghèo. Đồng thời vẫn còn có các điều kiện kèm theo làm giảm tính làm chủ của nước nhận viện trợ và gây ra sự gián đoạn trong các dòng viện trợ. Sự miễn cưỡng của nhà tài trợ trong việc sử dụng các hệ thống quốc gia cũng làm tăng thêm các chi phí giao dịch và làm suy yếu năng lực quốc gia.

Viện trợ có điều kiện vẫn còn là một sự lạm dụng quá mức đối với trợ giúp phát triển phục vụ xoá nghèo. Thông qua việc gán trợ giúp phát triển với việc cung cấp các hàng hoá và dịch vụ từ nước tài trợ, thay vì cho phép nước nhận viện trợ sử dụng thị trường mở. Việc viện trợ có điều kiện làm giảm giá trị của đồng tiền. Rất nhiều nhà tài trợ đã giảm bớt viện trợ có điều kiện nhưng trên thực tế vẫn còn rất nhiều trường hợp mà ta không biết. Chúng tôi dự tính các thiệt hại của viện trợ có điều kiện cho các nước thu nhập thấp vào khoảng 5 đến 7 tỷ đô la. Vùng Tiểu sa mạc Sahara phải trả “thuế cho viện trợ có điều kiện” với số tiền là 1,6 tỷ đô la.

Trong một số lĩnh vực mà sự “hợp tác mới” trong viện trợ hình thành tại hội nghị Monterrey vẫn còn bị nghi ngờ là một phiên bản đóng gói lại của sự hợp tác cũ. Vẫn còn có sự mất cân đối trong phân chia trách nhiệm và nghĩa vụ. Các nước nhận viện trợ được yêu cầu đề ra các mục tiêu để đạt MDG, đáp ứng được các mục tiêu của ngân sách do Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) theo dõi hàng quý, tuân thủ các điều kiện do các nhà tài trợ đề ra và sử dụng các quy định của nhà tài trợ. Tất cả những điều đó đã làm tăng chi phí giao dịch và làm giảm giá trị của viện trợ. Về phía mình, các nhà tài trợ lại không đặt ra các mục tiêu cho chính mình. Thay vì làm việc đó, họ lại đưa ra các cam kết chung chung, không có pháp lý về khối lượng viện trợ (mà hầu hết trong số đó sau này bị lãng quên) và thậm chí các cam kết về nâng cao chất lượng viện trợ còn trống rỗng và chung chung hơn. Khác với nước nhận viện trợ, các nhà tài trợ có thể tùy tiện phá vỡ cam kết. Trong thực tiễn sự hợp tác mới vẫn là một chiêu. Điều cần thiết ở đây là phải có sự hợp tác mới thực sự qua đó cả nhà tài trợ lẫn nước nhận viện trợ đều tuân thủ các cam kết để thực hiện lời hứa của Tuyên bố thiên niên kỷ.

Năm nay là một cơ hội để nhất trí sự hợp tác đó và đề ra một hướng đi mới trong hợp tác trợ giúp phát triển. Các quốc gia tài trợ trước hết cần thể hiện sự kính trọng và sau đó thực hiện các cam kết đã làm tại Monterrey. Một số yêu cầu chủ yếu là:

- *Xây dựng một lịch biểu để viện trợ đạt được 0.7% GNI vào năm 2015 (và tiếp tục giữ như vậy).* Các nhà tài trợ cần đưa ra cam kết ngân sách với mức tối thiểu là 0.5% vào năm 2010 để đảm bảo đến 2015 đạt được con số mục tiêu đề ra.
- *Giải quyết các khoản nợ không bền vững.* Hội nghị thượng đỉnh của G-8 năm 2005 đã có một bước đột phá lớn đối với nợ của các nước nghèo có các khoản vay lớn (HIPC). Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề với một số lớn các nước có thu nhập thấp còn đang đối mặt với các vấn đề nóng bỏng để đáp ứng nghĩa vụ trả nợ. Việc kết thúc cuộc khủng hoảng vay nợ đòi hỏi sự hành động vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia và nhằm đảm bảo rằng việc trả nợ được giữ ở mức phù hợp với việc tài trợ cho thực hiện các mục tiêu MDG.
- *Cung cấp tài chính dài hạn nhiều năm và có thể dự toán trước thông qua các chương trình của Chính phủ.* Dựa trên các nguyên tắc đề ra trong bản tuyên bố Paris về hiệu quả viện trợ, các nhà tài trợ cần đặt ra các mục tiêu tham vọng hơn nhằm cung cấp các dòng viện trợ ổn định, làm việc thông qua các hệ thống quốc gia và xây dựng năng lực cho nước nhận viện trợ. Vào năm 2010, tối thiểu 90% các khoản viện trợ

sẽ được giải ngân theo các lịch biểu đã thoả thuận thông qua các khuôn khổ hàng năm hoặc nhiều năm.

- *Tinh giản hoá các điều kiện viện trợ.* Các điều kiện viện trợ cần tập trung vào trách nhiệm uỷ thác và tính minh bạch của công tác báo cáo thông qua các hệ thống của quốc gia, với ít chú trọng vào các mục tiêu kinh tế vĩ mô quá trải rộng và một sự cam kết mạnh hơn về xây dựng các cơ quan và năng lực quốc gia.
- *Chấm dứt viện trợ có điều kiện.* Có một phương pháp đơn giản để giải quyết sự lãng phí tiền bạc do viện trợ có điều kiện đó là chấm dứt việc này vào năm 2006.

Thương mại và phát triển con người - bằng củng cố các mối liên kết

Cũng giống như viện trợ, thương mại có tiềm năng trở thành một chất xúc tác mạnh mẽ để phát triển con người trong các điều kiện tốt, thương mại quốc tế có thể tạo ra một tác động mạnh mẽ để thúc đẩy tiến độ đạt được các mục tiêu MDG. Vấn đề là tiềm năng phát triển con người gắn bó trong thương mại bị giảm do một sự kết hợp giữa các quy định không công bằng và các bất bình đẳng về cấu trúc trong nội bộ cũng như giữa các nước.

Thương mại quốc tế đã từng là một trong những động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá. Các mẫu hình thương mại đã thay đổi. Đã có mức tăng bền vững trong thị phần của các nước đang phát triển trong xuất khẩu các mặt hàng sản xuất của thế giới – và một số nước đang xoá bỏ được khoảng cách về công nghệ. Tuy nhiên các bất bình đẳng về cấu trúc vẫn còn tồn tại và trong một số trường hợp lại còn nói rộng thêm. Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi ngày càng bị cách ly ra khỏi nhịp điệu phát triển xã hội. Ngày nay, khu vực này với 689 triệu người chỉ chiếm một phần nhỏ lượng hàng xuất khẩu thế giới so với nước Bỉ chỉ có 10 triệu dân. Nếu Vùng Tiểu sa mạc Sahara Châu Phi có cùng thị phần xuất khẩu thế giới như năm 1980 thì số ngoại tệ thu được có thể gấp khoảng 8 lần số viện trợ mà nó nhận được vào năm 2003. Nhiều nước ở Châu Mỹ La tinh cũng đang bị tụt hậu. Trong thương mại cũng như trong các lĩnh vực khác đang khiếu nại rằng hội nhập toàn cầu đang dẫn đến sự hội tụ của người giàu và người nghèo là một việc không đúng.

Từ viễn cảnh phát triển con người, thương mại là phương tiện để phát triển, không phải là một mục đích vì bản thân nó. Các chỉ số về tăng trưởng xuất khẩu, các tỷ lệ đóng góp của thương mại cho GNI và sự giải phóng nhập khẩu không phải là các uỷ thác cho phát triển con người. Thật đáng tiếc là cách xử lý các vấn đề này như thế nào đang còn nhiều bàn cãi. Sự tham gia trong thương mại sẽ tạo các cơ hội thực sự để nâng cao mức sống. Tuy nhiên, một số mô hình lớn nhất về mở cửa và tăng trưởng xuất khẩu như Mehico và Guatemala đã có ít thành công trong việc đẩy mạnh phát triển con người (Khung số 7). Thành công trong xuất khẩu không luôn luôn củng cố các phúc lợi của con người. Thực tế thấy rằng cần phải có quan tâm hơn tới các điều khoản theo đó các nước tham gia hội nhập vào các thị trường thế giới.

Các qui định công bằng hơn về thương mại sẽ giúp quốc gia, đặc biệt khi họ tiếp cận với thị trường. Trong hầu hết các hình thức đánh thuế, một nguyên tắc đơn giản sẽ áp dụng, đó là anh càng thu nhiều thì anh càng phải trả nhiều. Các chính sách thương mại của các nước giàu biết rõ nguyên tắc này. Các rào cản lớn nhất đối với thương mại quốc tế được dựng lên chống lại các nước nghèo nhất: trung bình các rào cản này lớn gấp từ 3 đến 4 lần khi các nước đang phát triển xuất khẩu hàng sang các nước giàu so

với các rào cản khi các nước giàu xuất khẩu sang cho nhau. Nguyên tắc nói trên áp dụng cho cả các lĩnh vực khác. Ví dụ, Liên minh Châu Âu cam kết sẽ lập các kho hàng lớn để mở cửa thị trường cho các nước nghèo nhất của thế giới. Vẫn là vấn đề cốt lõi là khi có các ưu đãi thương mại điều đó sẽ làm giảm cơ hội cho rất nhiều nước nghèo.

Nông nghiệp là một quan ngại đặc biệt. Hai phần ba số người có mức sống dưới 1 đô la/ngày sống và làm việc tại các vùng nông thôn. Các luật lệ thương mại áp dụng trong nông nghiệp có tác động trực tiếp đến thị trường, nơi họ sinh sống và sự hy vọng thoát khỏi đói nghèo của họ. Vấn đề cơ bản sẽ được đưa ra giải quyết trong các cuộc đàm phán về nông nghiệp của WTO có thể tóm tắt trong các từ: Trợ cấp của các nước giàu (Khung số 8). Trong vòng đàm phán gần đây nhất về thương mại thế giới, các nước giàu hứa sẽ cắt giảm trợ cấp nông nghiệp. Hiện nay họ đang chỉ chi trên 1 tỷ đô la một năm cho viện trợ phát triển nông nghiệp ở các nước nghèo và cũng một khoản xấp xỉ 1 tỷ đô la một ngày để trợ cấp cho sản xuất dư thừa nông nghiệp ở trong nước- nếu thiếu một thứ tự ưu tiên phù hợp thì khó có thể tưởng tượng được. Để tô đậm thêm vấn đề, trợ cấp của các nước giàu đang phá hoại các thị trường nơi mà các tiểu thương của các nước nghèo đang phụ thuộc vào đó dẫn đến việc suy giảm giá cả mà họ thu được và lên án việc họ được nhận các phần ích lợi của thương mại thế giới (Hình 9). Những nông dân trồng bông ở Burkina Faso đang phải cạnh tranh với các nhà sản xuất bông của Hoa Kỳ trong lúc những người này mỗi năm nhận hơn 4 tỷ đô la tiền trợ cấp, một con số vượt quá cả tổng thu nhập quốc gia của Burkina Faso. Trong lúc Chính sách nông nghiệp chung (CAP) của Liên minh Châu Âu đang vươn rộng ra thị trường đường ăn thế giới thì họ lại từ chối các nước đang phát triển tiếp cận với thị trường châu Âu (Hình 10). Người tiêu dùng và những người đóng thuế của các nước giàu bị trói buộc bởi các chính sách tài chính và điều này đang huỷ hoại sự làm ăn sinh sống của các nước nghèo nhất thế giới.

Khung số 7 - Việt Nam và Mexico: một câu chuyện của hai quốc gia đang hội nhập toàn cầu.

Cả hai nước Việt nam và Mexico đang đứng đầu trong số các nước tiến hành toàn cầu hoá mới theo các thước đo của chỉ số kinh tế tiêu chuẩn. Các nước này thuộc các nhóm liên minh khác nhau nếu đo theo các chỉ số phát triển con người. Sự tham gia sâu sắc hơn vào thương mại đã giúp duy trì các tiến bộ nhanh ở Việt Nam. Ở Mexico “thành công” của xuất khẩu đã đi song hành với các tiến bộ còn rất hạn chế trong phát triển con người (xem Bảng).

Việt Nam – Từ khi bước vào đổi mới thị trường vào cuối những năm 80, Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng trên 5%/năm, một tỷ lệ cao nhất trên thế giới. Tham gia vào thương mại là điều quyết định, theo đó tạo cho các nhà sản xuất sự tiếp cận với các thị trường và công nghệ mới. Xuất khẩu và nhập khẩu đã được tăng lên với tốc độ trên 20%/năm kể từ những năm đầu của thập niên 90, với đóng góp của xuất khẩu vào GDP tăng gấp đôi.

Các tiến bộ về phát triển con người đã đi kèm với sự thành công của thương mại này. Trong những năm 90 mức độ đói nghèo trong thu nhập giảm từ 58% xuống còn 28%, tuổi thọ đã tăng thêm 6 năm và tỷ lệ tử vong trẻ em đã giảm một nửa. Bất bình đẳng cũng tăng lên nhưng với tốc độ chậm. Hệ số Gini tăng từ 35,7 vào lúc bắt đầu thập niên 90 lên 37 vào cuối thập niên đó. Tuy Việt Nam vẫn là một trong số các nước trên thế giới có hệ số này thấp nhất. Chỉ số HDI của Việt nam hiện nay được xếp thứ 16 trên bảng xếp hạng về của cải của đất nước. Các yếu tố đằng sau sự thành công của Việt nam là:

Nước	Xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ (% của GDP)			GDP trên đầu người (tính theo giá USD năm 2002)			Tỷ lệ cực nghèo (%)							
	1990	2003	Tăng trưởng trung bình năm 1990–2003	1990	2003	Tăng trưởng trung bình năm 1990–2003	Ngưỡng cực nghèo quốc gia ^a (%)		Ngưỡng cực nghèo quốc tế (%)		Phân bố thu nhập của 20% dân số nghèo (%)		Hệ số Gini	
			(%)			(%)	(%)	1990	2002	1990	2002	1990	2002	1990
Việt Nam	36.0	59.7	20.2	1,282	2,490	5.9	30.0	15.0	60.0	37.0	..	7.5	35.7 ^b	37.0
Mexico	18.6	28.4	11.4	7,973	9,168	1.4	22.5 ^c	20.3 ^d	15.8	9.9	..	3.1	50.3 ^c	54.6 ^d

.. không có số liệu.

a. Không thể so sánh giữa các nước vì ngưỡng nghèo của quốc gia khác nhau

b. Số liệu năm 1993.

c. Số liệu năm 1992.

d. Số liệu năm 2000.

Nguồn: số liệu xuất khẩu, bảng chỉ tiêu 16; số liệu về GDP/đầu người, bảng chỉ tiêu 14; số liệu về nghèo đói quốc gia, Bộ phát triển xã hội Mexico, 2005 và báo cáo UN Việt Nam 2002; các số liệu về cực nghèo quốc tế về Mexico, World Bank 2005d, về Việt Nam, UN Viet Nam 2002; số liệu về thu nhập của 20% dân số nghèo nhất và số liệu về hệ số Gini, bảng chỉ tiêu 15.

- Sớm đầu tư vào phát triển con người. Trước khi nền kinh tế cất cánh, Việt Nam có mức đói nghèo về thu nhập cao, nhưng các chỉ số khác (tỷ lệ trẻ em đến trường, tỷ lệ người biết chữ, tuổi thọ) lại cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước có mức thu nhập tương tự.
- Các công việc đó làm trên cơ sở có sự tham gia rộng rãi, kể cả việc tăng trưởng. Tăng trưởng xuất khẩu được tiến hành bởi hàng triệu các nhà sản xuất nhỏ. Đổi mới kinh tế đã bắt đầu bằng việc tự do hoá thị trường nông nghiệp. Các kho khố về xuất khẩu gạo đã được giảm nhẹ, các trở ngại trong nhập khẩu phân bón cũng đã được loại bỏ và các quyền sở hữu đất đai đã được mở rộng. Giá cả tăng cao và việc giảm chi phí đầu vào đã dẫn tới sự tăng nhanh thu nhập của những người sản xuất nhỏ. Tiền công trong nông nghiệp, thương mại và nhu cầu trong nước cũng đã tăng lên.
- Có sự cam kết đối với bình đẳng. Việt Nam thu được khoảng 16% GDP cho ngân sách, một tỷ lệ cao đối với một nước có thu nhập thấp. Kết quả là Chính phủ đã có khả năng phân phối các lợi ích từ thương mại một cách rộng rãi hơn thông qua các khoản chi cho cơ sở hạ tầng, kinh tế và xã hội.
- Tự do hoá từng bước. Mức tăng trưởng cao hơn và thúc đẩy xuất khẩu đã tạo điều kiện cho tự do hoá nhập khẩu. Các hạn chế về khối lượng đã được giảm bắt đầu từ giữa những năm 90 nhưng biểu giá thuế quan trung bình vẫn duy trì ở mức 15%. Thị trường vốn vẫn còn khép kín làm cho Việt Nam không bị tác động bởi khủng hoảng tài chính của các nước Đông Á.
- Đa dạng hoá thị trường. Vào cuối những năm 80, Việt Nam còn dựa chủ yếu vào việc xuất khẩu dầu mỏ sang Nhật Bản và Singapore. Trong những năm 90, các chính sách đã khuyến khích đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu (hàng hoá qua chế biến hiện nay chiếm 1/3 tổng số hàng xuất khẩu) và thị trường xuất khẩu.

Mexico – Trong 10 năm qua Mexico đã ổn định được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các hàng hoá qua chế biến vào khoảng 26%. Nước này hiện nay chiếm khoảng ½ tổng số hàng hoá qua chế biến xuất khẩu của khu vực Mỹ Latinh. Hơn nữa, tăng trưởng xuất khẩu đã tập trung trong các lĩnh vực công nghệ có giá trị gia tăng cao và tăng trưởng cao như ô tô và điện tử.

Tuy nhiên ngược lại với thành công trong xuất khẩu này, mức tăng trưởng kinh tế trên đầu người giữa năm 1990 và 2003 chỉ đạt trung bình trên 1%. Tiền lương thực tế không tăng, và nạn thất nghiệp hiện cao hơn so với những năm đầu của thập niên 90. Đói nghèo cùng cực mới chỉ giảm rất ít, trong khi bất bình đẳng lại tăng lên. Các lý do thất bại của phát triển con người ở Mexico là một hình ảnh phản chiếu các yếu tố đi sau sự thành công của Việt Nam.

- *Có sự bất bình đẳng ban đầu ở mức cao.* Mexico là một nước có hệ số Gini cao nhất trên thế giới và đã tăng nhẹ trong 10 năm qua. 10% số dân nghèo nhất chiếm ¼ phần thu nhập quốc dân so với nhóm người này ở Việt Nam. Vai trò của Chính phủ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội để tăng trưởng dựa trên sự tham gia rộng rãi đã bị hạn chế bởi việc thu thuế kém. Mexico có thu nhập trung bình gấp 5 lần Việt Nam nhưng mức thu thuế cho GDP lại thấp hơn, chỉ đạt 13%, tương đương với mức thu của Uganda.
- *Tự do hoá nhanh.* Trong khuôn khổ Hiệp định Tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA), Mexico đã là một nền kinh tế có độ tự do hoá nhanh nhất thế giới. Trong một số lĩnh vực, tự do hoá nhập khẩu đã làm tăng sự đói nghèo. Việc nhập khẩu ngô được trợ cấp từ Hoa Kỳ đã tăng gấp 6 lần từ khi tiến hành tự do hoá vào năm 1994, góp phần làm giảm 70% thu nhập thực tế của hàng triệu người sản xuất ngô của Mexico. Tăng trưởng xuất khẩu nông nghiệp đã tập trung vào các trang trại thương mại có tưới tiêu lớn trong khi các tiểu nông phải điều chỉnh đối với cạnh tranh nhập khẩu đang tăng.
- *Chính sách công nghệ yếu.* Các số liệu xuất khẩu cho thấy một sự bùng nổ của công nghệ cao đang đi sai hướng. Một nửa lượng xuất khẩu của Mexico bắt nguồn từ lĩnh vực chế tạo máy mà tại đó việc sản xuất chỉ đơn giản là lắp ráp và tái xuất các linh kiện nhập. Hoạt động xuất khẩu liên quan ít đến giá trị gia tăng trong nước và cần rất ít kỹ năng và chuyển giao công nghệ. Do phụ thuộc vào ngành xuất khẩu có mức lương và kỹ năng thấp nên Mexico đang đứng trước sự cạnh tranh cao với các nền kinh tế dựa trên lương thấp như Trung Quốc. Lượng việc làm đã giảm 180.000 từ năm 2001.
- *Mất cân đối quyền lực trong các thị trường lao động.* Mặc dù năng suất lao động ổn định đã tăng nhưng lương thực tế lại không tăng cho dù có tăng trưởng xuất khẩu nhanh, lý do một phần là vì quá tập trung vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng thấp. Các quyền đàm phán tập thể yếu và sức ép thất nghiệp đang là các yếu tố góp phần tạo nên vấn đề này. Một vấn đề khác là bất bình đẳng về tiền lương gắn với việc nữ hoá lực lượng lao động: trung bình lương của phụ nữ thấp hơn 11% so với lương của nam giới.

Khung số 8 – Khi nào trợ cấp không còn là trợ cấp?

Câu trả lời cho câu hỏi nêu trên thật đơn giản: khi mà các nước phát triển cũng nói như vậy. Một vấn đề mà các nước đang phát triển hiện nay đang gặp phải là các nước công nghiệp đã chuyển sự hỗ trợ sang các khu vực nhận trợ cấp không được quy định rõ trong các luật lệ của WTO mà những quy định này thực chất chịu sự chi phối mạnh mẽ của Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu. Thoả thuận của vòng đàm phán Uruguay về nông nghiệp chủ yếu được thảo luận giữa Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu đã đưa ra ba loại trợ cấp. Các trợ cấp trong nhóm Amber box là các quy định áp dụng cho bất kỳ việc loại bỏ hỗ trợ nào được thoả thuận tại WTO. Các trợ cấp trong nhóm Green box là các khoản hỗ trợ được cho phép, dường như không ai được có ý kiến. Nằm ở giữa là các trợ cấp thuộc nhóm Blue box theo đó được miễn cắt giảm nếu các khoản trợ cấp liên quan đến việc chiếm dụng một số đất đai đang trồng trọt. Những quy định này được đưa ra theo sáng kiến của EU nhằm đáp ứng các cải cách của CAP, theo đó được phép thanh toán trực tiếp có điều kiện cho các nhà sản xuất khi họ phải rời bỏ một phần đất đai đang sử dụng để trồng trọt. Tại sao có vấn đề đối với sự khác biệt nói trên? Bởi vì khuôn khổ hiện nay của WTO hoạt động kém hoặc không bao quát các lĩnh vực về hình thức hỗ trợ mà Chính phủ các nước phát triển hiện đang trợ cấp cho nông nghiệp. Trong năm 2001 (năm cuối cùng để các thông báo cho WTO), Hoa Kỳ đã chi 50 tỷ đô la cho trợ cấp các mặt hàng thuộc Green box, gấp 3 lần số đã chi trả cho các mặt hàng trong Amber box (xem Bảng). Cũng như vậy, Liên minh Châu Âu cũng đã chi 50 tỷ đô la Mỹ cho các mặt hàng thuộc Green box và Blue box, nhiều hơn số đã chi cho các mặt hàng trong Amber box. Trong cả hai trường hợp nói trên, trợ cấp của các siêu cường đã có thể duy trì ở mức thấp hơn quy định mức trần của WTO bằng cách cơ cấu lại thay vì cắt giảm toàn bộ sự trợ giúp. Kết cục là đạt được mục đích của WTO mà vẫn cho phép Châu Âu xuất khẩu được ngũ cốc của mình và Hoa Kỳ vẫn bán được gạo, bông, ngô và các nông sản khác với giá thấp hơn so với thị trường thế giới mà hiện không bị coi là có các trợ cấp xuất khẩu và làm nhiều thương mại và vì thế họ được miễn trừ khỏi bất kỳ hiệp định nào về loại bỏ các trợ cấp như vậy. Một số nước đang phát triển đã sử dụng các nhóm tranh luận bất đồng của WTO để chất vấn các trợ cấp cụ thể. Brazil đã thành công trong việc chất vấn các mặt hàng thuộc Green box của Hoa Kỳ có thanh toán trực tiếp đối với bông, Brazil, Ấn Độ và Thái Lan cũng thành công trong chất vấn tính pháp lý của trợ cấp đường ăn của EU với một nhóm công tác của WTO đề ra quy định rằng các trợ cấp này không phù hợp với luật lệ của WTO, tuy nhiên vẫn còn một mối nguy hiểm đang tăng rằng một thoả thuận của WTO có thể tạo ra khoảng không gian đầy đủ để hỗ trợ nông nghiệp toàn diện như đã xác định bởi các tính toán về hỗ trợ cho người sản xuất của OECD cho rằng các mức trợ cấp vẫn được giữ nguyên mặc dù chúng ở dưới hình thức đóng gói lại.

Các khoản trợ cấp lớn lách luật của WTO

Giá trị USD, 2001/02 (tỷ)	Liên minh Châu Âu	Hoa kỳ
Amber Box	44.3	14.4
Amber Box tối đa theo quy định của WTO	75.7	19.1
Blue Box	26.7	0.0
Green Box	23.3	50.7

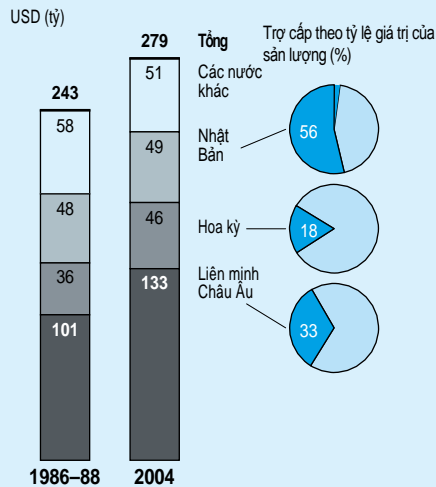
Nguồn: WTO 2005.

Kết quả như vậy làm suy giảm độ tin cậy vào các thoả thuận của vòng đàm phán Doha về nông nghiệp. Không phải tất cả các trợ cấp đều có tác động gây nhiễu giống nhau. Tuy nhiên việc hàng năm chuyển hàng tỷ đô la cho các nhà sản xuất nông nghiệp đã gây nhiễu cho thị trường, mặc dù chúng được coi là không gây ảnh hưởng. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong các lĩnh vực nơi có sản xuất dư thừa lớn trên thị trường thế giới. Các khoản trợ cấp này có rất ít đảm bảo đối với rủi ro, nguồn vốn đầu tư và nguồn trả nợ.

Từ quan điểm của những người trồng bông ở Burkina Faso và những người trồng lúa ở Ghana, việc phân loại hợp pháp chính xác các khoản trợ cấp trong WTO có ít liên quan trực tiếp so với việc các trợ cấp ở nước giàu làm tổn hại tới công việc làm ăn sinh sống của họ. Vấn đề của khuôn khổ luật lệ hiện tại trong nông nghiệp là nó thể chế hoá các hoạt động thương mại bất bình đẳng đằng sau sự che chở pháp lý của WTO làm suy yếu hệ thống đa phương hoạt động dựa trên pháp luật. Việc xây dựng các luật lệ của WTO ngăn cản sự cạnh tranh bất bình đẳng giữa các nước phát triển và đang phát triển sẽ là một trong những thước đo thành công của kết quả của toàn bộ vòng đàm phán Doha.

Hình 8

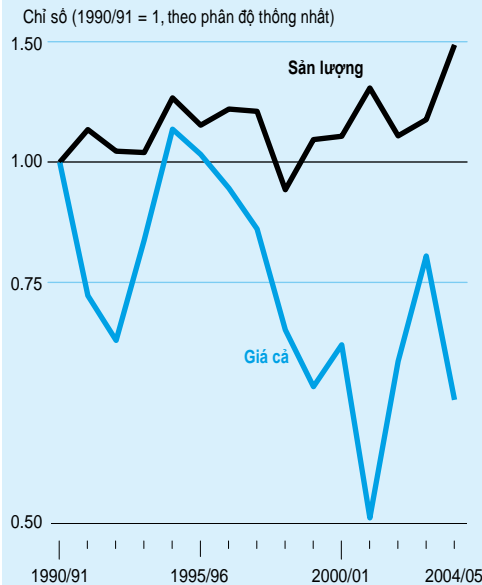
Trợ cấp của nước giàu cho nông nghiệp lớn và ngày càng lớn hơn



Nguồn: OECD 2005.

Hình 9

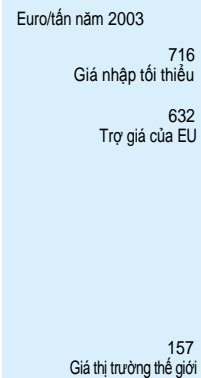
Sản xuất bông ở Hoa Kỳ không bị ảnh hưởng khi giá ở thế giới thay đổi



Nguồn: Ủy ban Tư vấn ngành Bông quốc tế 2005.

Hình 10

Đường của khối EU làm thế nào để tăng sản lượng và thâm nhập thị trường thế giới



Nguồn: Oxfam International 2004a.

Trong một số lĩnh vực, các luật lệ của WTO đang đe dọa làm tăng thêm một cách có hệ thống các bất lợi cho các nước đang phát triển và làm thiên lệch thêm các ích lợi của hội nhập toàn cầu về phía các nước phát triển. Ví dụ các qui định đã hạn chế phạm vi các nước nghèo xây dựng các chính sách công nghiệp và công nghệ tích cực cần thiết để nâng cao năng suất và thành công trong các thị trường quốc tế. Chế độ hiện tại của WTO loại bỏ nhiều chính sách đã từng giúp các nước Đông Á có các tiến bộ nhanh. Luật lệ của WTO về sở hữu trí tuệ có hai mối đe dọa song hành, đó là họ nâng chi phí của chuyển giao công nghệ và từ đó có tiềm năng nâng giá thuốc chữa bệnh, điều này tạo rủi ro cho y tế của người nghèo. Trong các cuộc đàm phán của WTO về dịch vụ, các nước giàu đã tìm cách tạo các cơ hội đầu tư cho các công ty ngân hàng và bảo hiểm trong lúc lại hạn chế cơ hội cho các nước nghèo được xuất khẩu trong một lĩnh vực có lợi thế hiển nhiên, đó là chuyển giao lao động theo thời vụ. Người ta dự tính rằng với một sự tăng nhỏ trong dòng di chuyển các lao động lành nghề và không lành nghề có thể tạo ra trên 150 tỷ đô la mỗi năm, một con số thu nhập vượt xa các lĩnh vực được tự do hoá thương mại khác.

Vòng đàm phán Doha của WTO tạo ra một cơ hội để bắt đầu chấn chỉnh lại các luật lệ thương mại đã phung phí với sự cam kết vì phát triển con người và các mục tiêu MGD. Cơ hội đó đến nay đã bị bỏ phí. Sau 4 năm trao đổi tranh luận và chẳng có nội dung nào đạt được. Chương trình nghị sự mất cân đối được theo đuổi bởi các nước giàu và sự thất bại trong giả quyết vấn đề trợ cấp là các mấu chốt của vấn đề.

Khung số 9 – các hạn chế đối với trợ giúp kỹ thuật nhằm xây dựng năng lực về thương mại

Xây dựng năng lực là yếu tố quyết định để hội nhập các nước đang phát triển vào thương mại thế giới. Các nước phát triển ngày càng đưa ưu tiên vào các chương trình viện trợ của họ nhưng trợ giúp kỹ thuật để xây dựng năng lực còn gặp rất nhiều thiếu sót làm hạn chế hiệu quả của nó. Đặc biệt là trường hợp của Chương trình Trợ giúp Kỹ thuật nhằm Xây dựng Năng lực TACB.

Các ưu tiên dựa theo nhà tài trợ. Thường tất cả những người tham gia TACB đều theo các ưu tiên do các nhà tài trợ đặt ra. Ngay từ lúc đầu của vòng đàm phán Doha chương trình đàm phán của EU đã ưu tiên vào chính sách cạnh tranh, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, gọi là các vấn đề Singapore. Đa số các nước đang phát triển, đặc biệt là Châu Phi và trong các nước kém phát triển nhất đều phản đối chương trình nghị sự này. Dù là như vậy, năm 2001 các vấn đề Singapore chiếm một nửa tổng số các khoản trợ giúp kỹ thuật trong chính sách thương mại đã được WTO ghi nhận. Ngược lại chỉ có 1% sự hỗ trợ chính sách được định hướng cho các đối thoại về nông nghiệp, một lĩnh vực sống còn đối với các nước đang phát triển. Trong các chương trình hợp tác song phương, các mâu thuẫn còn xảy ra thông qua sự phân biệt đối xử tiêu cực trong đàm phán (các nhà tài trợ từ chối tài trợ cho các hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của họ) và các phân biệt đối xử tích cực (chỉ hỗ trợ trong các lĩnh vực được các nhà tài trợ ưu tiên).

Tư vấn hạn chế và sai lệch. Có quá nhiều các tư vấn của TACB về cách thức thực hiện các qui định của WTO do các nước phát triển áp đặt, bao gồm quá nhiều các hoạt động của WTO tiến hành trong khuôn khổ của Quỹ Ủy thác Toàn cầu thành lập năm 2001. Có quá ít tư vấn về các lĩnh vực mà có thể giải quyết được các bất bình đẳng về quyền lực và tăng cường các mục tiêu chính sách của quốc gia.

Cấp vốn không đủ. Một số các chương trình có hiệu quả của TACB thường xuyên không được cấp đủ tài chính. Một ví dụ đó là Chương trình Trợ giúp Kỹ thuật Tổng hợp chung của WTO, Tổ chức Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển UNCTD và Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC. Chương trình này đặc biệt được các Chính phủ Châu Phi đánh giá cao. Tuy nhiên, Chương trình đang được tài trợ thông qua Quỹ Ủy thác Chung với số kinh phí 10 triệu USD cho 20 nước, thật khó đáp ứng được mức độ bất lợi mà các Chính phủ Châu Phi phải đối mặt tại WTO. Mức tài trợ hiện tại cho Khuôn khổ tổng hợp về Trợ giúp Kỹ thuật liên quan đến thương mại dành cho các nước kém phát triển nhất hiện chỉ ít hơn 6 triệu USD.

Liên kết yếu với các chính sách phát triển. Các nỗ lực của các nhà tài trợ nhằm gắn TACB trở thành bộ phận cấu thành của hợp tác phát triển và các kế hoạch xóa đói giảm nghèo đã còn ở xa với các kỳ vọng. Khuôn khổ tổng hợp này đã tiến hành một số đánh giá dự báo có chất lượng về các khó khăn từ phí cung, đặc biệt chúng đã có liên quan tới người nghèo. Tuy nhiên chưa có bằng cứ thấy rằng các khuyến nghị của Khuôn khổ đã được lồng ghép vào các Tài liệu Chiến lược Giảm nghèo tại đó có rất ít nói về chính sách thương mại. Công tác điều phối yếu kém, xung đột và chông chéo chức năng giữa các cơ quan liên quan và sự sai lệch về trợ giúp kỹ thuật đối với tài trợ cho cơ sở hạ tầng đã và đang làm suy yếu tính hiệu quả của Khuôn khổ tổng hợp.

Cho dù có các qui định pháp lý tốt nhất vẫn sẽ không loại bỏ được các nguyên nhân sâu xa của sự bất bình đẳng trong thương mại quốc tế. Các vấn đề muôn thuở như hạ tầng yếu kém, năng lực cung cấp hạn chế còn cần phải khắc phục. Các nước giàu đã soạn thảo một chương trình viện trợ về “xây dựng năng lực” (Khung số 9). Rất đáng tiếc chưa có sự chú ý lành mạnh về xây dựng năng lực trong các lĩnh vực mà các nước giàu cho là có lợi về mặt chiến lược. Một số vấn đề đã tồn tại lâu thậm chí không được nêu ra trong các chương trình nghị sự của thương mại quốc tế. Cuộc khủng hoảng sâu sắc trong thị trường hàng hoá đặc biệt là cà phê là một ví dụ. Ở Ethiopia giá cà giảm từ năm 1998 đã làm giảm thu nhập bình quân hàng năm từ các hộ sản xuất cà phê vào khoảng 200 đô la.

Sự xuất hiện của các cơ cấu thương mại mới đã cho thấy có mối đe dọa tới nền thương mại bình đẳng hơn trong nông nghiệp. Các dãy siêu thị đã trở thành những người gác cổng của thị trường nông nghiệp ở các nước giàu, nối liền những người sản xuất ở các nước đang phát triển với người tiêu dùng ở các nước giàu. Nhưng những hộ nông dân nhỏ không được tiếp cận với cách thức mua sắm ở một số siêu thị, điều đó làm yếu đi mối quan hệ giữa thương mại và phát triển con người. Việc tạo ra các cơ cấu để tạo thuận lợi cho xâm nhập của các tiểu nông vào dây truyền thị trường thế giới một cách bình đẳng hơn sẽ giúp khu vực tư nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc chống lại đói nghèo trên thế giới.

Tăng cường mối liên kết giữa thương mại và phát triển con người là một công việc lâu dài. Vòng đàm phán Doha vẫn còn một cơ hội để bắt đầu công việc này và xây dựng sự tin cậy và tính hợp pháp của thương mại dựa trên pháp luật. Xem xét trên bối cảnh rộng hơn, vòng đàm phán Doha bị thất bại là quá quan trọng. Xây dựng sự thịnh vượng chung đòi hỏi các tổ chức đa phương không những chỉ đẩy mạnh tạo ra hình ảnh tốt với công chúng mà còn phải được coi là hoạt động một cách cân đối và công bằng.

Cuộc họp cấp bộ trưởng của WTO sự kiện vào tháng 12 năm 2005 sẽ là một cơ hội để giải quyết một số các thách thức lớn nhất. Trong khi rất nhiều vấn đề có tính kỹ thuật, thực tiễn đòi hỏi cần phải có một khuôn khổ theo đó các luật lệ của WTO được hoạt động tốt hơn và gây ít tổn hại cho phát triển con người. Thật là không thực tiễn hy vọng Vòng đàm phán Doha sẽ sửa chữa tất cả các mất cân đối trong các qui định pháp lý, nhưng nó cũng đặt nền móng cho các vòng đàm phán trong tương lai nhằm mục đích đưa vấn đề phát triển con người vào trung tâm của các hệ thống đa phương. Dưới đây là một số các tiêu chí chính đánh giá kết quả của Vòng đàm phán Doha:

- *Cắt giảm đáng kể sự trợ cấp của Chính phủ đối với nông nghiệp và cấm trợ cấp cho hàng xuất khẩu.* Hỗ trợ nông nghiệp theo như tính toán theo sự hỗ trợ cho người sản xuất thì nên cắt không quá 5-10% giá trị của sản lượng với việc cấm tức thời các khoản trợ cấp trực tiếp hay gián tiếp cho các hàng hoá xuất khẩu.
- *Cắt bỏ đáng kể các rào cản đối với xuất khẩu của các nước đang phát triển.* Các nước giàu cần đề ra mức thuế quan tối đa đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển với mức không cao quá hai lần các mức trung bình thuế xuất của mình, hoặc từ 5%-6%.
- *Đền bù cho các nước bị mất quyền ưu tiên.* Trong khi các ưu tiên của các nước giàu dành cho hàng nhập khẩu của các nước đang phát triển còn mang lại các lợi ích rất hạn chế thì việc xoá bỏ quyền ưu tiên có khả năng đưa đến tỷ lệ thất nghiệp cao và thay đổi lớn trong cán cân thanh toán ở một số trường hợp cụ thể. Cần thành lập một Quỹ để giảm thiểu các chi phí điều chỉnh gây ra cho các nước bị thiệt thòi.
- *Bảo hộ các chính sách về phát triển con người.* Các luật lệ đa phương không nên áp đặt các nghĩa vụ không nhất quán với các chiến lược giảm nghèo của quốc gia. Các chiến lược này cần gắn kết với các thông lệ quốc tế được vận dụng thích hợp với các điều kiện của địa phương và được xây dựng thông qua các quá trình chính trị dân chủ với sự tham gia của nhiều người. Đặc biệt, các qui định pháp lý của Tổ chức Thương mại Thế giới cần tôn trọng quyền của các nước đang phát triển để bảo vệ các nhà sản xuất nông nghiệp chống lại sự cạnh tranh không bình đẳng đối với các hàng xuất khẩu được trợ cấp bởi các nước giàu.
- *Một cam kết để tránh có các thu xếp "vượt quá WTO" trong các hiệp định thương mại khu vực.* Một số khu vực áp đặt các nghĩa vụ vượt quá cả các luật lệ của WTO, đặc

biệt trong các lĩnh vực đầu tư và sở hữu trí tuệ. Điều quan trọng là các Hiệp định khu vực này không áp đặt các chính sách quốc gia được xây dựng trong khuôn khổ các chiến lược giảm nghèo.

- *Định hướng lại các đàm phán về dịch vụ đối với di chuyển lao động thời vụ.* Trong bối cảnh của một vòng đàm phán cần ít nhấn mạnh đến vấn đề nhanh chóng tự do hoá các lĩnh vực tài chính mà nên tập trung hơn vào việc xây dựng các qui định để cho phép lao động từ các nước đang phát triển có tiếp cận tốt hơn đối với thị trường lao động ở các nước giàu.

Xung đột dữ dội là một rào cản cho sự tiến bộ

Năm 1945 Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ông Edward R. Stettinius đã xác định được hai thành tố cơ bản của an ninh con người và các mối quan hệ của nó như sau: “Cuộc chiến vì hoà bình cần phải được tiến hành trên hai mặt trận. Thứ nhất, là mặt trận an ninh, nơi mà sự thành công là không còn sự sợ hãi. Thứ hai là mặt trận kinh tế xã hội, nơi mà chiến thắng là thoát khỏi cảnh nghèo nàn. Chỉ có chiến thắng cả trên hai mặt trận thế giới mới đảm bảo được một nền hoà bình lâu dài”. Đó cũng là sự lý giải về việc Hoa Kỳ đóng vai trò trung tâm trong việc thành lập Tổ chức Liên Hợp quốc.

60 năm sau và sau hơn một thập niên từ khi chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh khởi đầu cho một kỷ nguyên hoà bình mới, vấn đề an ninh lại nổi bật trong chương trình nghị sự quốc tế. Như bản báo cáo của Tổng Thư ký Liên Hợp quốc *Trong sự tự do nhiều hơn* (In Larger Freedom) đã bình luận, chúng ta đang sống trong một thời đại tại đó có sự giao cắt của đói nghèo và xung đột dữ dội, đặt ra các mối đe dọa trầm trọng không chỉ đối với các nạn nhân trước mắt mà còn với nền an ninh tập thể của cộng đồng quốc tế.

Đối với nhiều người ở các nước giàu, khái niệm mất an toàn toàn cầu được gắn với các đe dọa của chủ nghĩa khủng bố tội phạm có tổ chức. Các đe dọa này là có thật. Thiếu an ninh gây nhiều sợ hãi hiện đang xảy ra ở hầu hết các nước đang phát triển. Mỗi tác động qua lại giữa đói nghèo và xung đột dữ dội ở nhiều nước đang phát triển đang huỷ hoại nhiều sinh mạng với qui mô khổng lồ, và nó đang làm tổn hại đến tiến trình thực hiện các mục tiêu MDG. Thất bại trong việc xây dựng an ninh con người bằng cách chấm dứt sự tác động này sẽ mang lại hệ quả cho toàn cầu. Trong một thế giới độc lập các mối đe dọa từ xung đột không chỉ dừng trong biên giới quốc gia, mặc dù quốc gia có thể được phòng thủ dày đặc. Sự phát triển trong các nước nghèo là tuyến đầu trong cuộc đấu tranh vì nền hoà bình thế giới và nền an ninh tập thể. Vấn đề của bản kế hoạch đấu tranh hiện tại là một chiến lược quân sự quá lớn trong khi chiến lược an ninh con người lại quá nhỏ.

Bảng 2

Các xung đột vẫn thường xuyên làm tổn thất sinh mạng con người

Thời gian	Số người chết do xung đột (triệu người)	Dân số thế giới và dân số giữa thế kỷ (triệu người)	Tỷ lệ số người chết do xung đột trên tổng dân số thế giới (%)
Thế kỷ 16	1.6	493.3	0.32
Thế kỷ 17	6.1	579.1	1.05
Thế kỷ 18	7.0	757.4	0.92
Thế kỷ 19	19.4	1,172.9	1.65
Thế kỷ 20	109.7	2,519.5	4.35

Nguồn: Số liệu về tử vong do xung đột, Sivard 1991, 1996; số liệu về dân số thế kỷ 20, UN 2005d; các số liệu dân số khác, nội suy từ các số liệu của Văn phòng Báo cáo phát triển con người dựa trên Sykes 2004 (Bảng B-10).

Bản chất của xung đột đã thay đổi. Thế kỷ 20 là thế kỷ đẫm máu nhất trong lịch sử loài người được xác định trước tiên là các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia và sau đó là cuộc chiến tranh lạnh với sự đối đầu dữ dội giữa hai siêu cường (Bảng 2). Ngày nay các sợ hãi nói trên đang nhường chỗ cho nỗi sợ hãi của các cuộc nội chiến và chiến tranh khu vực chủ yếu xảy ra ở các nước nghèo có các nhà nước yếu kém hoặc thất bại và nắm giữ một lượng nhỏ quân trang coi đó là vũ khí của sự lựa chọn. Hầu hết các nạn nhân của các cuộc chiến ngày nay là dân thường. Hiện nay số lượng xung đột ít hơn so với năm 1990 nhưng chủ yếu lại tăng ở các nước nghèo. Sự tổn thất về con người do các xung đột chưa được đánh giá đầy đủ. Ở nước Cộng hòa Dân chủ Công gô con số tử vong dù gián tiếp hay trực tiếp liên quan đến xung đột vượt quá số thiệt mạng của nước Anh trong hai cuộc Thế chiến lần thứ nhất và lần thứ hai gộp lại. Ở vùng Darfur của Sudan đã có gần 2 triệu người mất nơi ở do xung đột. Các nạn nhân trực tiếp của các cuộc xung đột này và các cuộc xung đột khác đang thường kỳ lọt vào sự chú ý của các phương tiện truyền thông quốc tế. Nhưng những tác động lâu dài của các xung đột quốc tế đối với phát triển con người còn bị ẩn dấu chưa biết đến.

Xung đột làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng dinh dưỡng và ngành y tế, phá hoại các hệ thống giáo dục, huỷ hoại môi trường làm ăn sinh sống và làm chậm tiến trình tăng trưởng kinh tế. Trong số 32 quốc gia có các lĩnh vực phát triển con người thấp đo theo các chỉ số phát triển con người HDI, có 22 nước có xảy ra các xung đột vào các thời điểm khác nhau từ năm 1990 đến nay. Các nước có xung đột trầm trọng thuộc nhóm các quốc gia không đi theo tiến trình của các mục tiêu MDG theo như định hướng của chúng tôi đến năm 2015. Trong số 52 quốc gia trì trệ hoặc đi ngược các mục tiêu giảm thiểu tử vong ở trẻ em, có 30 nước xảy ra xung đột từ 1990 đến nay. Mức độ thiệt hại lớn này tạo ra các nhiệm vụ phải ngăn chặn xung đột, giải quyết các xung đột và tái thiết lại đất nước, và đó cũng là ba yêu cầu cơ bản của việc xây dựng nền an ninh con người và đẩy nhanh tiến trình thực hiện các mục tiêu MDG.

Một phần của sự thách thức của an ninh con người và xung đột trầm trọng có thể dẫn đến sự suy yếu, dễ đổ vỡ và sụp đổ của nhà nước. Các thất bại tổng hợp đối với bảo vệ con người khỏi các nguy cơ về an ninh, không cung cấp được các nhu cầu cơ bản và phát triển được các cơ quan chính trị được coi là các khía cạnh pháp chế còn tồn tại của các quốc gia dễ xảy ra xung đột. Một số trường hợp các mâu thuẫn chiều ngang giữa các khu vực hoặc nhóm người là các chất xúc tác cho xảy ra xung đột. Các yếu tố bên ngoài cũng đóng một vai trò. Sự “thất bại” của các nhà nước Afganistan và Somalia được kích thích từ các thế lực bên ngoài nhằm can thiệp để theo đạt được các quyền lợi chiến lược riêng của họ. Việc nhập khẩu vũ khí và nắm giữ bởi một nhóm có lợi ích hẹp hòi nhằm kiếm lợi từ việc bán các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã giúp các xung đột duy trì và phát triển. Lãnh đạo chính trị ở các nước dễ xảy ra xung đột là điều kiện cần thiết để thay đổi tình hình nhưng điều đó vẫn chưa đủ. Các nước giàu cũng cần phải trợ giúp về lãnh đạo.

Các cách tiếp cận mới về viện trợ đang ở điểm khởi đầu. Các nước yếu và dễ đổ vỡ không chỉ có khó khăn về năng lực sử dụng các nguồn tài chính một cách có hiệu quả mà họ còn không biết trước được khối lượng các dòng tài chính trợ giúp họ. Thực tế cho thấy các dòng tài chính chỉ đạt dưới 40% so với mong đợi dự đoán của các cơ quan và môi trường chính sách. Bản chất và thứ tự của Viện trợ lại là một vấn đề khác. Có quá nhiều nhà tài trợ cam kết ủng hộ viện trợ nhân đạo trong giai đoạn ngay sau xung đột kết thúc, nhưng lại không tiếp tục trợ giúp để khôi phục kinh tế trong các năm tiếp theo đó.

Xuất khẩu khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác không tạo ra các xung đột dữ dội. Tương tự như vậy đối với các vũ khí nhỏ. Nhưng thị trường tài nguyên thiên nhiên và vũ khí nhỏ có thể cung cấp phương tiện cho duy trì xung đột trầm trọng. Từ Campuchia đến Afganistan và các nước châu Phi, việc xuất khẩu đá quý và gỗ đã hỗ trợ cho xung đột về tài chính và làm suy yếu năng lực của quốc gia (Bảng 3). Hệ thống cấp chứng chỉ có thể đóng cửa các cơ hội để xuất khẩu như trường hợp qui trình của Hệ thống chứng chỉ kim cương Kimberley đã chứng minh. Vũ khí nhỏ hàng năm làm thiệt mạng hơn 500.000 người, phần lớn sống ở các nước nghèo nhất thế giới. Dù đã có những nỗ lực quốc tế để kiểm soát việc mua bán ngầm các vũ khí nhỏ nhưng kết quả của công việc còn rất hạn chế. Hiệu lực thi hành vẫn còn yếu, sự chấp hành luật pháp còn ở mức tự nguyện và rất nhiều các kẽ hở pháp lý đang tạo thuận lợi cho việc buôn bán ngoài vòng pháp luật.

Một trong các cách thức hiệu quả nhất theo đó các nước giàu giải quyết các nguy cơ đối với phát triển con người do tác động của xung đột trầm trọng đó là hỗ trợ xây dựng năng lực của khu vực. Cuộc khủng hoảng ở Darfur đáng lẽ có thể giảm được nếu chúng ta không ngoảnh mặt đi chỗ khác và cử một lực lượng giữ gìn hoà bình Liên minh châu Phi đủ lớn và được trang bị tốt, đặc biệt là nếu lực lượng ấy có được một sứ mệnh lớn để bảo vệ dân thường. Trong giai đoạn cực điểm của khủng hoảng đã có gần 300.000 lính người Ruan-đa và Nigeria theo dõi biến chuyển của 1,5 triệu người Darfur trên một diện tích lớn bằng nước Pháp. Vấn đề xây dựng năng lực khu vực trong các lĩnh vực tạo ra hiệu quả của hệ thống cảnh báo sớm để ngăn chặn, phòng ngừa vẫn là một yêu cầu cấp thiết đối với an ninh con người.

Nếu sự phòng ngừa không là con đường hiệu quả nhất để giải quyết các nguy cơ do xung đột trầm trọng gây ra, nắm bắt các cơ hội để triển khai công việc tái thiết tiếp theo. Việc khôi phục hoà bình thường là tiền đề của tái bạo lực: một nửa tất cả các nước ra khỏi xung đột trầm trọng lại quay lại với chiến tranh trong vòng 5 năm. Phá vỡ chu kỳ khủng hoảng này cần có các cam kết về chính trị và tài chính để có được an ninh, giám sát được quá trình tái thiết và tạo ra các điều kiện để phát triển các thị trường cạnh tranh và đầu tư của khu vực tư nhân trong giai đoạn dài lâu. Trong thực tế các cam kết nói trên không luôn luôn có được.

Trong khi các mục tiêu MDG tập trung vào tiến trình thực hiện việc “thoát khỏi cảnh nghèo nàn” thì thế giới còn thiếu trong chương trình nghị sự của mình kế hoạch “thoát khỏi sự sợ hãi”. Như bản báo cáo của Tổng Thư ký Liên Hợp quốc *Trong sự tự do nhiều hơn* (In Larger Freedom) đã bình luận, hiện có một nhu cầu khẩn cấp về xây dựng một khuôn khổ an ninh tập thể vượt ra ngoài các phản ứng quân sự đối với các nguy cơ của chủ nghĩa khủng bố, để nhận thức được rằng vấn đề đói nghèo, đổ vỡ xã hội và xung đột dân sự đang là các thành tố của nguy cơ an ninh quốc gia. Các yêu cầu chính để giảm thiểu các nguy cơ là:

Bảng 3 Tài nguyên thiên nhiên đã gây ra xung đột về nhiên liệu ở nhiều nước

Nước	Thời gian xung đột	Tài nguyên
Afghanistan	1978–2001	Đá quý, óu phiện
Angola	1975–2002	Dầu mỏ, kim cương
Angola, Cabinda	1975–	Dầu mỏ
Cambodia	1978–97	Gỗ, Đá quý
Colombia	1984–	Dầu mỏ, vàng
coca Congo	1997	Dầu mỏ
CHDC Congo	1996–97, 1998–2002	Đồng, coltan, kim cương, vàng, cobalt
Bang Aceh, Indonesia	1975–	Khí thiên nhiên
Tây Papua, Indonesia	1969–	Đồng, vàng
Liberia	1989–96	Gỗ, kim cương, sắt, dầu cọ, ca cao, cà phê, cần sa, cao su, vàng
Ma-rốc	1975–	Phosphate, Dầu mỏ
Myanmar	1949–	Gỗ, thiếc, Đá quý, thuốc phiện
Papua New Guinea	1988–98	Đồng, vàng
Peru	1980–95	Coca
Sierra Leone	1991–2000	Kim cương
Sudan	1983–2005	Dầu mỏ

- Có một cách làm mới về viện trợ. Các quốc gia nghèo đói dễ xảy ra xung đột và các nhà nước sau thời kỳ xung đột thiếu các khoản viện trợ là điều bất công. Là điều không tốt đối với an ninh con người ở các nước đó và không tốt cho cả nền an ninh toàn cầu. Là một phần của khoản đóng góp 0,7% GNI cho viện trợ, các nhà tài trợ cần có cam kết để có viện trợ lớn hơn với sự dự toán được tốt hơn về viện trợ thông qua các cam kết tài chính dài hạn. Các nhà tài trợ cần minh bạch hơn về các điều kiện phân bổ viện trợ và về lý do của các viện trợ để giảm bớt các đầu tư tại các nước có nhạy cảm với xung đột.
- Minh bạch hơn trong quản lý các nguồn lực. Vì các bên tham gia thị trường tài nguyên thiên nhiên có thể giúp tài trợ cho các xung đột nên trong một số trường hợp Chính phủ không thể chịu trách nhiệm hết cả nên các Công ty Xuyên quốc gia liên quan đến xuất khẩu khoáng sản cần nâng cao tính minh bạch. Khuôn khổ pháp lý quốc tế do Ủy ban Châu Phi do Anh tài trợ đề xuất đã cho phép điều tra các hành động tham nhũng của các Công ty Xuyên quốc gia Quốc tế.- cũng như đã thực hiện theo Luật của Hoa Kỳ. Đề xuất này cần được ưu tiên phát triển.
- Xoá bỏ việc lưu chuyển các vũ khí nhỏ. Hội nghị năm 2006 về Kiểm điểm Vũ khí nhỏ sẽ là một cơ hội để thoả thuận một bản Hiệp ước toàn diện về buôn bán vũ khí nhỏ nhằm điều tiết thị trường và ngăn cản cung cấp cho các vùng có xung đột trầm trọng.
- Xây dựng năng lực khu vực. Đối với vùng Tiểu Sa mạc Sahara, vấn đề phát triển là ưu tiên hàng đầu với sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và hậu cần của một Liên minh Châu Phi có hoạt động thực sự và lực lượng gìn giữ hoà bình thường trực.
- Xây dựng sự đoàn kết quốc tế. Báo cáo của Tổng thư ký Liên hợp quốc kêu gọi phải thành lập một Ủy ban Xây dựng Hoà bình quốc tế nhằm xây dựng một khuôn khổ chiến lược để có được một cách tiếp cận tổng hợp cho nền an ninh tập thể. Một phần của cách tiếp cận đó là việc thành lập một quỹ toàn cầu dài hạn và với khối lượng được dự tính trước để tài trợ ngay sau khi kết thúc xung đột và thời kỳ quá độ khôi phục nền kinh tế.

Khi các nhà lịch sử về phát triển con người nhìn lại năm 2005, họ coi lúc đó là thời điểm bản lề. Cộng đồng quốc tế đang có một cơ hội bất ngờ để đưa các chính sách và các nguồn lực vào xây dựng thập niên tới vì mục đích phát triển. Các Chính phủ đã đề ra những cam kết trong Tuyên bố Thiên niên kỷ vì thế họ cũng có thể đặt ra một lộ trình để đổi mới toàn cầu, mang lại niềm hy vọng mới cho hàng triệu người nghèo và những người bị thiệt thòi nhất trên thế giới đồng thời tạo ra các điều kiện cho sự phồn vinh và an ninh chung. Cách làm từ trước đến nay sẽ dẫn thế giới tới một đại dịch đói nghèo, sự chia cắt do các bất bình đẳng sâu sắc và các nguy cơ do bất an ninh chung. Ở nước giàu cũng như nước nghèo, các thế hệ tương lai sẽ phải trả giá đắt cho các thất bại của lãnh đạo chính trị tại thời điểm quyết định này trong giai đoạn khởi đầu của thế kỷ 21.

Báo cáo Phát triển Con người 2005 cung cấp một cơ sở để đánh giá mức độ của thách thức. Thông qua việc tập trung xem xét ba trụ cột của hợp tác quốc tế, báo cáo nêu bật một số vấn đề cần được giải quyết và những điều kiện quan trọng để đạt được thành công. Sự thực giản đơn không còn nghi ngờ là chúng ta, một cộng đồng toàn cầu, có đầy đủ phương tiện để xoá đói nghèo và khắc phục các bất bình đẳng sâu sắc đang làm chia rẽ các quốc gia và con người. Vấn đề cơ bản vẫn cần phải giải quyết sau 5 năm kể từ khi có Tuyên bố thiên niên kỷ được ký kết là liệu các Chính phủ có quyết tâm từ bỏ cách làm việc trong quá khứ và hành động để thực hiện lời hứa với người nghèo trên thế giới. Nếu ai đó mong muốn có một thời điểm để các nhà lãnh đạo chính trị quyết tâm đẩy mạnh việc đạt được các lợi ích chung của loài người thì thời điểm đó nay đã đến.